

**BÁO CÁO**

**Việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh  
từ khi Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực**

Kính gửi:

- Đoàn giám sát Quốc hội;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh.

Thực hiện Văn bản số 710/ĐGS-KHCNMT ngày 04/7/2025 của Đoàn giám sát của Quốc hội; qua rà soát các nội dung liên quan, UBND tỉnh Gia Lai báo cáo kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh từ khi Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực như sau:

**PHẦN I**

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ XÂY DỰNG, BAN HÀNH, HOÀN THIỆN CHÍNH  
SÁCH, PHÁP LUẬT THỰC HIỆN LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG  
NĂM 2020 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

**I. Tình hình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật và chiến lược, kế hoạch, chương trình, đề án về bảo vệ môi trường (BVMT)**

**1. Việc xây dựng, ban hành hoặc trình HĐND cùng cấp ban hành văn bản quy phạm pháp luật về BVMT (các văn bản ban hành để quy định chi tiết Luật BVMT; các văn bản ban hành theo thẩm quyền):**

Để triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, HĐND dân tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường như sau:

**\* Tỉnh Bình Định (cũ):**

- Quyết định số 61/2022/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 của UBND tỉnh về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định các loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Định ban hành kèm theo Quyết định số 76/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021;

- Quyết định số 37/2023/QĐ-UBND ngày 30/7/2023 của UBND tỉnh về Sửa đổi, bổ sung một số quy định các loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Định;

- Quyết định số 09/2023/QĐ-UBND ngày 13/3/2023 của UBND tỉnh Quy định hoạt động thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn tỉnh Bình Định;

- Quyết định số 76/2023/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của UBND tỉnh Quy định về quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh;

- Quyết định 91/2024/QĐ-UBND ngày 22/12/2024 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Bình Định ban hành kèm theo Quyết định số 76/2023/QĐ-UBND ngày 04/12/2023;

- Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 05/7/2021 của UBND tỉnh của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 20/2016/QĐ-UBND ngày 13/3/2026 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải;

- Quyết định số 94/2024/QĐ-UBND ngày 26/12/2024 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về BVMT tại KKT Nhơn Hội và các KCN trên địa bàn tỉnh Bình Định;

- Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND ngày 12/12/2024 của HĐND tỉnh về Sửa đổi, bổ sung mục 1 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 87/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định;

- Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 01/01/2025 của UBND tỉnh về Sửa đổi, bổ sung mục 1 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 70/2017/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định.

**\* Tỉnh Gia Lai (cũ)**

- Nghị quyết 24/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của HĐND tỉnh quy định về mức thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường; phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường; phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

- Quyết định số 628/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của UBND tỉnh về việc công bố Danh mục gồm 05 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; 04 thủ tục hành chính bãi bỏ và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết đối với 06 thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường, tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Nghị quyết số 77/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của quy định về phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

- Quyết định số 42/2024/QĐ-UBND ngày 11/9/2024 ban hành quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

**2. Các văn bản, chính sách pháp luật triển khai Luật BVMT năm 2020 chưa được ban hành thuộc trách nhiệm của chính quyền địa phương theo quy định của Luật BVMT năm 2020:**

- Khoản 2 Điều 75: Chính sách khuyến khích việc phân loại riêng chất thải nguy hại trong chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân.

- Điểm b, c và d khoản 5 Điều 86: Khuyến khích đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung trong trường hợp chưa có hệ thống thu gom, xử lý nước thải (điểm b khoản 5 Điều 86); Lộ trình và chính sách hỗ trợ để tổ chức, hộ gia đình trong đô thị, khu dân cư tập trung xây dựng công

trình, lắp đặt thiết bị xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường trước khi thải vào nguồn tiếp nhận trong trường hợp không bố trí được quỹ đất xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tại khu đô thị, khu dân cư tập trung đã hình thành trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành (điểm c khoản 5 Điều 86); Lộ trình thực hiện và chính sách hỗ trợ thu gom, xử lý tại chỗ nước thải sinh hoạt phát sinh từ tổ chức, hộ gia đình, tại các khu dân cư không tập trung (điểm d khoản 5 Điều 86).

### **3. Việc tổ chức rà soát, sửa đổi văn bản pháp luật có liên quan đến Luật Bảo vệ môi trường theo lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước được phân công:**

Hàng năm, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tư pháp phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) và các đơn vị, địa phương có liên quan tổ chức kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành, trong đó có Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 để phù hợp thực tế và chặt chẽ, đầy đủ về mặt pháp lý; qua đó, đã kịp thời ban hành các Quyết định bãi bỏ các văn bản không còn giá trị, hiệu lực.

### **4. Việc ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường địa phương, định mức kinh tế - kỹ thuật về BVMT:**

Tỉnh chưa ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường địa phương, định mức kinh tế - kỹ thuật về BVMT mà áp dụng các định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan trung ương ban hành vì các định mức này phù hợp với địa phương.

### **5. Việc xây dựng kế hoạch, chương trình, đề án, dự án để triển khai thực hiện Luật BVMT năm 2020, Chiến lược BVMT quốc gia, Quy hoạch BVMT quốc gia:**

Nhằm triển khai đồng bộ Luật BVMT năm 2020, Chiến lược BVMT quốc gia, Quy hoạch BVMT quốc gia, UBND tỉnh đã ban hành một số kế hoạch, chương trình như sau:

\* Tỉnh Bình Định (cũ):

- Kế hoạch số 187/KH-UBND ngày 08/11/2023 về bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 924/QĐ-UBND ngày 28/03/2023 ban hành Kế hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Bình Định giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 723/QĐ-UBND ngày 13/3/2023 ban hành Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí tỉnh Bình Định giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1114/QĐ-UBND ngày 10/4/2023 ban hành Phương án xử lý nước thải các cụm công nghiệp và làng nghề trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 08/02/2023 Kế hoạch Truyền thông về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2023-2025;

- Kế hoạch số 200/KH-UBND ngày 04/12/2023 Kế hoạch tổ chức thực hiện việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh;

- Quyết định số 1878/UBND-QĐ ngày 29/5/2023 ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải;

- Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 19/01/2023 về Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn đến năm 2050.

\* Tỉnh Gia Lai (cũ):

- Quyết định số 2279/KH-UBND ngày 09/10/2022 về Kế hoạch hành động về đa dạng sinh học tỉnh Gia Lai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Kế hoạch số 2810/KH-UBND ngày 01/12/2022 về Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn đến năm 2050;

- Kế hoạch số 2270/KH-UBND ngày 02/10/2024 về Kế hoạch triển khai phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

## **II. Đánh giá công tác xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường**

### **1. Đánh giá kết quả các văn bản đã ban hành**

Về cơ bản, việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của tỉnh được thực hiện đồng bộ, kịp thời, thống nhất với hệ thống pháp luật, có tính khả thi khi áp dụng vào thực tiễn. Đồng thời, tỉnh đã ban hành nhiều chiến lược, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về BVMT để cụ thể hóa việc triển khai các quy định của Luật Bảo vệ môi trường vào thực tiễn địa phương, đem lại nhiều kết quả tích cực.

### **2. Tồn tại, hạn chế**

Đến nay, vẫn còn một số nội dung theo quy định thuộc thẩm quyền ban hành chính sách, văn bản quy phạm pháp luật của địa phương nhưng chưa triển khai xây dựng.

Theo quy định tại Điều 52 của Luật Bảo vệ môi trường: “Bảo vệ môi trường đối với cụm công nghiệp: 1. Cụm công nghiệp *phải có hạ tầng bảo vệ môi trường* theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật này; 2. Cụm công nghiệp đang hoạt động *phải hoàn thành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường* quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật này *trong thời hạn 24 tháng* kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành...3. Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp có trách nhiệm *không tiếp nhận thêm* hoặc nâng công suất *dự án đầu tư có phát sinh nước thải* trong Cụm công nghiệp khi *chưa có hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung...*”. Tuy nhiên, hiện nay trên địa bàn tỉnh có nhiều Cụm công nghiệp chưa được đầu tư hạ tầng bảo vệ môi trường nên khó khăn trong quá trình thu hút đầu tư các dự án mới trong cụm công nghiệp.

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08:2023/BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường yêu cầu cao, do đó việc kêu gọi các dự án đầu tư vào các khu vực đã được đánh giá hết khả năng chịu tải môi

trường theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật Bảo vệ Môi trường không thực hiện được, đề nghị có lộ trình triển khai vì các khu vực này thường là các khu vực có điều kiện thuận lợi về hạ tầng để thu hút đầu tư.

### **3. Nguyên nhân**

#### *a) Nguyên nhân khách quan*

Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có nhiều nội dung quy định mới và phạm vi điều chỉnh khá rộng; trong Luật quy định khá nhiều nội dung giao cho địa phương ban hành các chính sách và văn bản quy phạm pháp luật nên trong thời gian ngắn tỉnh chưa ban hành đầy đủ theo quy định. Ngoài ra, có một số nội dung giao địa phương triển khai nhưng chưa đủ cơ sở pháp lý và kỹ thuật, cụ thể như:

- Các cơ quan Trung ương chưa ban hành đầy đủ, đồng bộ các quy định về khoảng cách an toàn môi trường đối với tất cả các lĩnh vực nên địa phương chưa có cơ sở ban hành lộ trình thực hiện đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng đang hoạt động trên địa bàn không đáp ứng khoảng cách an toàn về môi trường (theo Khoản 6 Điều 53);

- Một số quy định chưa được Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn như công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ.

- Chưa có quy định nước thải phục vụ cho tưới cây (hiện nay chỉ có quy chuẩn nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng; trong đó, chỉ quy định tưới gốc cây, không cho tưới tràn, tưới phun là chưa phù hợp với thực tế).

- Theo quy định tại Thông tư số 35/2024/TT-BTNMT ngày 19/12/2024 và 36/2024/TT-BTNMT ngày 20/12/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ quy định về thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh hộ gia đình, cá nhân, đối với công tác vệ sinh môi trường đô thị; chưa quy định cụ thể về quy trình và định mức kinh tế - kỹ thuật đối với các hoạt động vệ sinh môi trường đô thị (hoạt động thực tế đang triển khai trên địa bàn tỉnh: công tác quét dọn nhà vệ sinh công cộng, công tác duy trì dải phân cách bằng thủ công,..), do đó gặp khó khăn trong công tác thẩm định phương án giá thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt của thành phố Pleiku và các khu vực khác trên địa bàn tỉnh.

#### *b) Nguyên nhân chủ quan*

- Việc nghiên cứu Luật Bảo vệ môi trường của một số cơ quan, đơn vị còn hạn chế nên chưa kịp thời tham mưu ban hành đầy đủ các quy định theo thẩm quyền được giao.

- Công tác phối hợp giữa các cơ quan liên quan trong quá trình nghiên cứu, xây dựng các quy định, chính sách còn chưa chặt chẽ nên hiệu quả tham mưu xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật chưa cao.

## **PHẦN II**

### **TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

#### **I. Kết quả đạt được**

##### **1. Về bố trí và sử dụng nguồn lực cho bảo vệ môi trường**

### ***1.1. Về bố trí và sử dụng ngân sách Nhà nước cho công tác BVMT:***

Để triển khai đồng bộ công tác bảo vệ môi trường, tỉnh đã ban hành các kế hoạch sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường, quy định liên quan đến định mức chi kinh phí sự nghiệp môi trường và các nội dung liên quan khác để đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

Hàng năm, căn cứ văn bản hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) gửi văn bản hướng dẫn đến các sở, ban, ngành, hội đoàn thể và địa phương để xây dựng nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện từ nguồn kinh phí sự nghiệp BVMT theo quy định; lồng ghép nội dung hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí BVMT trong các văn bản hướng dẫn xây dựng, điều hành ngân sách nhà nước.

#### ***\* Tỉnh Bình Định (cũ):***

Giao dự toán chi thường xuyên cho sự nghiệp môi trường giai đoạn 2016-2021 là 223.837 triệu đồng và giai đoạn 2022-2024 là 445.958 triệu đồng. Trong đó:

Năm 2022: 113.965 triệu đồng;

Năm 2023: 157.539 triệu đồng;

Năm 2024: 174.454 triệu đồng.

So với giai đoạn 2016-2021, kinh phí sự nghiệp môi trường hàng năm được bố trí ngày càng tăng, đảm bảo lớn hơn 1,0% tổng kinh phí chi thường xuyên của ngân sách tỉnh nhưng chưa đạt 1% tổng chi ngân sách tỉnh.

#### ***\* Tỉnh Gia Lai (cũ):***

Năm 2022: 133.186 triệu đồng;

Năm 2023: 178.732 triệu đồng;

Năm 2024: 167.351 triệu đồng.

Kinh phí sự nghiệp môi trường được các Sở, ban, ngành, hội đoàn thể liên quan và các địa phương sử dụng tiết kiệm, hiệu quả; tập trung vào các nội dung chi như: truyền thông về môi trường, các mô hình bảo vệ môi trường, thu gom và xử lý chất thải, quan trắc hiện trạng môi trường, thanh tra, kiểm tra, công tác điều tra đa dạng sinh học,... Bên cạnh đó, một số nội dung chi trong lĩnh vực BVMT, nhất là những nội dung có mức chi cao hoặc có các hạng mục công trình xây dựng, lắp đặt trang thiết bị,... được tỉnh bố trí từ nguồn đầu tư.

Trong điều kiện nguồn thu ngân sách địa phương còn nhiều khó khăn; tuy nhiên, UBND tỉnh đã rà soát, ưu tiên nguồn kinh phí chi thường xuyên hàng năm để bố trí chi cho công tác BVMT trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn.

### ***1.2. Về sử dụng nguồn lực từ huy động xã hội hóa cho BVMT***

Thời gian qua, việc đẩy mạnh xã hội hóa trong công tác BVMT luôn được tỉnh quan tâm chú trọng thực hiện thông qua việc khuyến khích các tổ chức, cá nhân

đầu tư vào các lĩnh vực dịch vụ môi trường và bước đầu đem lại nhiều kết quả khả quan.

Công tác xã hội hóa trong lĩnh vực quản lý rác thải sinh hoạt, xử lý chất thải công nghiệp và nguy hại được đẩy mạnh; theo đó, tại một số địa phương, đã hình thành một số đơn vị tư nhân đầu tư thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt. Tại tỉnh hiện có Công ty TNHH Thương mại và Môi trường Hậu Sanh đã đầu tư xây dựng Nhà máy xử lý chất thải nguy hại công suất 400 kg/giờ tại xã Cát Nhơn, Phù Cát (Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép xử lý chất thải nguy hại), hoạt động ổn định thời gian qua, góp phần xử lý chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh, nhất là chất thải nhiễm SARS-CoV-2 trong đợt dịch COVID19.

Bên cạnh đó, tỉnh đã thực hiện nhiều giải pháp thu hút các nguồn vốn vay, vốn viện trợ của nước ngoài để thực hiện các dự án về BVMT. Trong đó, dự án môi trường bền vững các thành phố duyên hải – Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn từ nguồn vốn vay của Ngân hàng thế giới đã triển khai nhiều hợp phần về BVMT như nâng cấp, cải tạo hệ thống thoát nước của thành phố Quy Nhơn, xây dựng 02 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, nâng cấp bãi chôn lấp chất thải Long Mỹ,... Qua đó đã góp phần quan trọng cải thiện cơ bản hạ tầng BVMT của thành phố Quy Nhơn. Ngoài ra, thời gian qua, tỉnh đã tranh thủ nhiều nguồn vốn ODA và một số nguồn viện trợ không hoàn lại của UNDP, GEF, ADB,... triển khai nhiều dự án về BVMT và ứng phó biến đổi khí hậu đem lại kết quả tích cực.

Xã hội hóa trong đầu tư hạ tầng BVMT tại các khu, cụm công nghiệp: Thời gian qua, tỉnh chủ trương khuyến khích các nhà đầu tư thực hiện đầu tư hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, trong đó có hạ tầng BVMT. Theo đó, đến nay toàn bộ các khu công nghiệp và 22/60 cụm công nghiệp đã được thành lập do nhà đầu tư tư nhân thực hiện. Các khu công nghiệp đều xây dựng đồng bộ và vận hành ổn định hệ thống xử lý nước thải tập trung; 8 CCN đầu tư xây dựng cơ bản hoàn chỉnh hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung, các CCN do tư nhân làm Chủ đầu tư đã và đang xây dựng hoàn thiện các công trình bảo vệ môi trường (hệ thống thu gom và xử lý nước thải) theo hồ sơ môi trường được phê duyệt.

### ***1.3. Về sử dụng công cụ kinh tế cho công tác BVMT***

Số liệu thu thuế bảo vệ môi trường và phí bảo vệ môi trường giai đoạn 2016-2021 và giai đoạn 2022-2024 phát sinh trên địa bàn tỉnh như sau:

- *Thuế bảo vệ môi trường đối với tỉnh Bình Định (cũ):* Giai đoạn 2016-2021 là 4.408.768 triệu đồng (trong đó: ngân sách Trung ương hưởng là 2.434.993 triệu đồng và ngân sách địa phương hưởng là 1.973.775 triệu đồng); giai đoạn 2022-2024 là 1.621.745 triệu đồng (trong đó: ngân sách Trung ương hưởng là 721.253 triệu đồng và ngân sách địa phương hưởng là 900.492 triệu đồng).

- *Phí bảo vệ môi trường ngân sách địa phương hưởng:*

\* Tỉnh Bình Định (cũ):

Giai đoạn 2016-2021 là 195.736 triệu đồng (trong đó: phí bảo vệ môi trường đối với nước thải là 9.564 triệu đồng và phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản là 186.172 triệu đồng); giai đoạn 2022-2024 là 196.322 triệu đồng (trong

đó: phí bảo vệ môi trường đối với nước thải là 13.766 triệu đồng và phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản là 182.556 triệu đồng).

\* Tỉnh Gia Lai (cũ):

Giai đoạn 2022-2024 thu được 8.581 triệu đồng (trong đó: phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp là 2.621 triệu đồng và phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản là 5.960 triệu đồng).

- Đối với hoạt động tín dụng xanh, hiện nay trên địa bàn tỉnh đã bước đầu triển khai và giải ngân cho một số đơn vị có nhu cầu và đáp ứng điều kiện.

- Một số khó khăn, vướng mắc: Hiện nay phí bảo vệ môi trường đối với nước thải khá thấp so với giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải; dẫn đến không công bằng giữa đơn vị nộp phí bảo vệ môi trường và đơn vị nộp giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải. Đối với doanh nghiệp nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải, yêu cầu phải quan trắc nhiều ống thải, tốn nhiều chi phí cho doanh nghiệp. Cần có chế tài xử phạt cụ thể các đơn vị phát sinh nước thải nhưng không thực hiện hoặc thực hiện việc kê khai không đúng thời hạn.

#### ***1.4. Về tổ chức bộ máy quản lý nhà nước và nhân lực cho công tác BVMT***

##### ***a) Về tổ chức bộ máy:***

Cấp tỉnh:

- Chi cục Bảo vệ môi trường thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện chức năng tham mưu công tác quản lý nhà nước về môi trường trên toàn địa bàn tỉnh.

- Phòng Quản lý tài nguyên môi trường thuộc Ban quản lý Khu kinh tế thực hiện chức năng tham mưu công tác quản lý nhà nước về môi trường đối với địa bàn các khu công nghiệp.

- Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu giúp Công an tỉnh thực hiện chức năng phòng chống tội phạm về môi trường.

Cấp huyện:

Trước đây, có bộ phận làm công tác quản lý nhà nước về môi trường tại cấp huyện (1-2 người/huyện); Công an các huyện, thị xã, thành phố có chức năng phòng chống tội phạm về môi trường.

Cấp xã: Được giao cho công chức phụ trách lĩnh vực môi trường thực hiện công tác quản lý tài nguyên môi trường.

##### ***b) Về nhân lực:***

Lĩnh vực môi trường khá rộng, liên quan đến hầu hết các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời Luật BVMT năm 2020 đã tăng cường phân cấp phân quyền về cho địa phương, tuy nhiên, đội ngũ làm công tác quản lý môi trường các cấp, nhất là cấp xã hiện nay kiêm nhiệm nhiều công việc nên chưa đáp ứng được nhiệm vụ quản lý môi trường hiện nay. Công chức thực hiện công tác quản lý môi trường và lãnh đạo Phòng Kinh tế của UBND cấp xã phần lớn là người mới, gặp khó khăn trong công tác quản lý môi trường.



### **1.5. Về tổ chức và hoạt động của quỹ BVMT cấp tỉnh**

**\* Tỉnh Bình Định (cũ):**

Quỹ Bảo vệ Môi trường tỉnh Bình Định (thành lập năm 2011) trực thuộc UBND tỉnh có chức năng cho vay ưu đãi, nhận ký quỹ, tài trợ, hỗ trợ, đóng góp tài chính đầu tư cho hoạt động bảo vệ môi trường. Trong thời gian qua, Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh đã khẳng định vị trí, vai trò của Quỹ trong các hoạt động chính như: Công tác ký quỹ đã đi vào nền nếp, được tăng cường, góp phần làm tăng khả năng thu và thu nợ tiền ký quỹ; công tác hỗ trợ tài chính thông qua hoạt động tài trợ, đồng tài trợ cũng đạt được nhiều kết quả đáng kể, việc triển khai thực hiện đảm bảo gắn kết với việc thực hiện các chương trình, kế hoạch bảo vệ môi trường của UBND tỉnh (tổng kinh phí đã tài trợ từ năm 2022-2024 là: 1.215.070.000 đồng). Năm 2021 và 2023, Quỹ đã chấp thuận cho vay 02 dự án trong hoạt động thu gom rác (với giá trị 1.620.000.000 đồng).

Công tác cho vay thời gian qua gặp nhiều khó khăn, số dự án giải ngân ít, thiếu bền vững; chủ yếu do các nguyên nhân sau:

- Đối tượng phù hợp với danh mục cho vay theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP rất hạn chế; không đáp ứng được nguồn vốn cho vay đối với những doanh nghiệp đầu tư quy mô lớn.

- Nhiều trường hợp có nhu cầu vay vốn, nhưng thiếu tài sản bảo đảm hoặc không có tài sản bảo đảm theo quy định.

**\* Tỉnh Gia Lai (cũ):**

Quỹ Bảo vệ Môi trường tỉnh Gia Lai (được thành lập năm 2014) trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

Kết quả hoạt động: Hiện nay, Quỹ đã tiếp nhận số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường của các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản khoảng 61,5 tỷ đồng; đã hoàn trả tiền ký quỹ cho 20 mỏ với số tiền 5,745 tỷ đồng (chưa bao gồm lãi suất. Ngân sách cấp năm 2023 số tiền 6,262 tỷ đồng để bổ sung nguồn vốn hoạt động cho Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Gia Lai để sử dụng cho việc phòng ngừa, hạn chế, kiểm soát ô nhiễm môi trường theo Quyết định 541/QĐ-UBND ngày 12/9/2023 của UBND tỉnh. Ngày 25/02/2025, Quỹ đã nộp trả lại kinh phí theo Báo cáo kiểm toán 241/KTNN-TH ngày 11/12/2024 với số tiền 6,262 tỷ đồng do không sử dụng.

- Những khó khăn, hạn chế:

- + Do Hội đồng quản lý Quỹ, Ban kiểm soát Quỹ, Cơ quan điều hành nghiệp vụ của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Gia Lai (cũ) hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, không có cán bộ chuyên trách nên việc thực hiện các nhiệm vụ còn hạn chế.

- + Chưa có hành lang pháp lý hướng dẫn từ Trung ương đến địa phương nên hoạt động của các Quỹ Bảo vệ môi trường địa phương chưa thống nhất về mô hình và tổ chức hoạt động, cơ chế tài chính.

- + Theo điểm a khoản 1 Điều 159 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định vốn điều lệ tối thiểu của Quỹ là 30 tỷ đồng, đối với Quỹ Bảo vệ Môi trường tỉnh Gia Lai phải có lộ trình tăng vốn điều lệ tối thiểu của Quỹ là 30 tỷ đồng

trước ngày 10/01/2027. Tuy nhiên, hiện nay Quỹ Bảo vệ Môi trường tỉnh Gia Lai chưa có vốn điều lệ, chưa có cán bộ hoạt động chuyên trách, vì vậy đến trước ngày 10/01/2027 Quỹ phải tăng vốn tối thiểu 30 tỷ là rất khó khăn trong khi nguồn lực của địa phương còn nhiều hạn chế.

### ***1.6. Về trang thiết bị phục vụ công tác bảo vệ môi trường***

Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường đã được đầu tư cơ sở vật chất hiện đại, hệ thống máy móc thiết bị hoàn toàn mới (*bao gồm các loại trang thiết bị quan trắc hiện trường; thiết bị phân tích trong phòng thí nghiệm như: Máy đo pH, nhiệt độ cầm tay, máy đo EC/TDS/Salt cầm tay, Độ dẫn điện, Bộ phân tích chất lượng nước đa chỉ tiêu, Máy đo độ ồn tích phân kèm theo bộ chuẩn ồn, Máy đo mức rung, Thiết bị đo lưu tốc dòng chảy, Thiết bị lấy mẫu bụi PM10 (bộ kit PM2.5, Bộ lấy mẫu trầm tích, Cân phân tích (độ chính xác 0,1mg), Lò nung, Tủ bảo quản mẫu, Tủ ủ BOD5, Bếp phá mẫu COD, Máy khuấy từ gia nhiệt, Máy cất nước 2 lần,...*) cơ bản có thể đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật trong hoạt động quan trắc môi trường trên tất cả các nền mẫu theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

## **2. Về triển khai các chính sách, pháp luật về phòng ngừa ô nhiễm môi trường**

### ***a) Đánh giá nội dung BVMT trong quy hoạch tỉnh***

Trong Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã chú trọng tích hợp đầy đủ các nội dung bảo vệ môi trường, cụ thể như: phương án phân vùng môi trường, phương án bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, di sản thiên nhiên, phương án ngăn ngừa nguy cơ ô nhiễm môi trường, phương án thu gom và quản lý nước thải và chất thải rắn, phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản, phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Ngoài ra, nhằm tăng cường lồng ghép nội dung về ứng phó với biến đổi khí hậu vào chiến lược, chính sách phát triển của địa phương, tỉnh đã quy hoạch các vùng sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản có tính đến tác động của biến đổi khí hậu, điều chỉnh cơ cấu cây trồng, thời vụ phù hợp với hoàn cảnh biến đổi khí hậu; nghiên cứu bảo đảm sinh kế cho người dân những vùng có nguy cơ bị ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu, vùng thường xuyên bị tác động của lũ ống, lũ quét, sạt lở đất.

Để triển khai quy hoạch tỉnh, UBND tỉnh Bình Định đã ban hành Kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh; theo đó xác định cụ thể nội dung và lộ trình triển khai các nhiệm vụ về bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học,... Hiện nay, Sở Nông nghiệp và Môi trường đang triển khai rà soát, xây dựng và xác định phương án về vị trí, quy mô, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải; rà soát, điều chỉnh Kế hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030,...

### ***b) Công tác giải quyết thủ tục hành chính***

UBND tỉnh đã ủy quyền Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường), Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh (đối với tỉnh Bình Định cũ) thực hiện một số thủ tục hành chính trên lĩnh vực môi trường (trong đó, có công tác thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường). Theo đó, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức triển khai công tác thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường, thẩm định báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt; Ban quản lý Khu kinh tế chủ động tổ chức thẩm định và phê duyệt hồ sơ môi trường theo ủy quyền. Đối với UBND cấp huyện, đã tổ chức cấp giấy phép môi trường cấp huyện. Đối với UBND cấp xã, đã tiếp nhận các đăng ký môi trường.

- Kết quả thẩm định, phê duyệt: Từ ngày 01/01/2022 – 31/12/2024, số lượng thủ tục hành chính (TTHC) cấp tỉnh được phê duyệt là 345 Báo cáo ĐTM và 234 GPMT. UBND các huyện, thị xã, thành phố (Bình Định) đã cấp 237 Giấy phép môi trường. UBND các xã, phường, thị trấn (Bình Định) đã tiếp nhận 1089 Đăng ký môi trường.

- Khó khăn vướng, mắc: Thời gian đầu khi Luật Bảo vệ môi trường có hiệu lực, tỉnh gặp nhiều khó khăn trong quá trình thẩm định hồ sơ môi trường do Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành có một số quy định chưa rõ ràng, chưa hợp lý. Một số nội dung vướng mắc chính như: liên quan đến phân loại đối tượng lập hồ sơ môi trường; quy định đối tượng phải có Giấy phép môi trường là đối tượng có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý hoặc phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý khi đi vào vận hành chính thức, trong đó phần lớn chỉ quy định giới hạn trên về quy mô, công suất (trừ đối tượng đối với chất thải nguy hại). Do vậy, trên thực tế có nhiều đối tượng cơ sở/dự án có quy mô nhỏ, lượng phát thải thấp nhưng vẫn phải thực hiện Giấy phép môi trường. Để có cơ sở triển khai phù hợp với điều kiện thực tế, UBND tỉnh đã có nhiều văn bản xin ý kiến hướng dẫn của Bộ Tài nguyên môi trường. Đến nay, Chính phủ ban hành Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; qua đó, phần lớn các nội dung vướng mắc đã được tháo gỡ.

#### **\* Đề xuất:**

- Hiện nay, đa phần TTHC về môi trường đều xác định thời gian giải quyết theo “ngày”, nhưng vẫn có TTHC giải quyết theo “ngày làm việc” dẫn đến khó khăn cho cơ quan thực thi trong quá trình theo dõi và kiểm soát thời gian giải quyết TTHC. Do vậy, kính đề xuất Bộ Nông nghiệp và Môi trường rà soát, quy định thống nhất thời gian giải quyết toàn bộ các TTHC trên lĩnh vực môi trường để thuận lợi trong quá trình thực hiện.

+ Hiện nay phát sinh vướng mắc: tất cả giấy phép môi trường thuộc cấp huyện đã giao cho cơ quan quản lý môi trường cấp tỉnh. Do đó, gây quá tải cho cơ quan cấp tỉnh. Vì vậy, đề xuất phân cấp các giấy phép môi trường thuộc cấp huyện trước đây cho UBND cấp xã thực hiện.

### **3. Về triển khai các chính sách, pháp luật về kiểm soát ô nhiễm**

### 3.1. Về kiểm soát ô nhiễm

a) Về kiểm soát ô nhiễm đối với Khu/cụm công nghiệp (KCN/CCN) và làng nghề:

- Các Khu công nghiệp:

Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 10 KCN, trong đó có 8 KCN đã đi vào hoạt động gồm KCN Phú Tài, Long Mỹ, Nhơn Hòa, KCN Becamex, KCN Nhơn Hội - Khu A, KCN Nhơn Hội - Khu B, KCN Trà Đa; 8/8 KCN đều đã xây dựng hoàn chỉnh hệ thống xử lý nước thải tập trung; 7/8 KCN đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục; cụ thể như sau:

+ KKT Nhơn Hội: Tổng lượng nước thải phát sinh ước tính khoảng 1.756,8 m<sup>3</sup>/ngày. Trong đó, nước thải phát sinh từ các cơ sở nằm trong KCN A, B và khu vực phía Tây Nam KKT Nhơn Hội được thu gom, xử lý tại Nhà máy XLNT tập trung KCN Nhơn Hội khoảng 882,2 m<sup>3</sup>/ngày phục vụ chung cho 02 KCN Nhơn Hội (A, B) và một số dự án lân cận trong KKT với công suất 2.000m<sup>3</sup>/ngày đêm, nước thải sau xử lý đạt cấp độ B theo QCVN 40:2011/BTNMT được thoát ra Đầm Thị Nại. Qua kết quả quan trắc nước thải của hệ thống XLNT tập trung do Ban Quản lý Dự án và GPMB Khu kinh tế - Đơn vị được giao quản lý, vận hành hệ thống thực hiện thì chất lượng nước thải sau xử lý trong năm 2024 luôn đạt cấp độ B theo QCVN 40:2011/BTNMT. Đã đầu tư lắp đặt trạm quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải từ năm 2017, hiện đang hoàn thiện việc nâng cấp lại Trạm và kết nối dữ liệu về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

+ KCN Becamex: đã xây dựng hoàn thành hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 4.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, với hiệu quả xử lý đạt cấp độ A theo QCVN 40:2011/BTNMT (hiện tại thu gom và tiếp nhận nước thải phát sinh từ 01 cơ sở nằm trong KCN Becamex khoảng 14,6m<sup>3</sup>/ngày). Hệ thống đang được Chủ đầu tư KCN tổ chức vận hành thử nghiệm sau khi dự án KCN Becamex được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép môi trường và có đủ lưu lượng nguồn nước thải thu gom từ các dự án thứ cấp về. Chủ đầu tư hạ tầng KCN đã triển khai lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động và hiện đang vận hành thử nghiệm hệ thống để kết nối dữ liệu về Sở Nông nghiệp và Môi trường để đảm bảo theo đúng quy định hiện hành.

+ KCN Phú Tài và Long Mỹ: đã xây dựng hoàn thành hệ thống XLNT công suất 2.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, đáp ứng nhu cầu xử lý toàn bộ nước thải của các dự án thứ cấp trong 02 KCN (nước thải sau xử lý đạt cấp độ A theo QCVN 40:2011/BTNMT). Tổng lượng nước thải: phát sinh khoảng 385 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Qua kết quả quan trắc nước thải của hệ thống XLNT tập trung mà Chủ đầu tư KCN đã gửi về BQLKKT thì chất lượng nước thải sau xử lý đạt cấp độ A theo QCVN 40:2011/BTNMT. Công trình XLNT vận hành thường xuyên, ổn định, hiệu quả, chất lượng nước thải sau xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép trước khi xả thải ra môi trường. Chủ đầu tư hạ tầng KCN đã hoàn thành việc lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, kết nối dữ liệu về Sở Nông nghiệp và Môi trường theo đúng quy định

+ KCN Nhơn Hòa: đã xây dựng hoàn thành hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 2.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm đã được Bộ TNMT cấp Giấy phép môi trường và hoàn thành việc vận hành thử nghiệm. Tổng lượng nước thải công nghiệp khoảng 415 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Qua kết quả quan trắc nước thải của hệ thống XLNT tập trung mà Chủ đầu tư KCN đã gửi về BQLKKT thì chất lượng nước thải sau xử lý đạt cấp độ B theo QCVN 40:2011/BTNMT. Công trình XLNT vận hành thường xuyên, ổn định, hiệu quả, chất lượng nước thải sau xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép trước khi xả thải ra môi trường. Chủ đầu tư hạ tầng KCN đã triển khai lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, kết nối dữ liệu về Sở Nông nghiệp và Môi trường để đảm bảo theo đúng quy định hiện hành

+ KCN Hòa Hội: Chủ đầu tư đang xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.200 m<sup>3</sup>/ngày đêm để phục vụ cho các dự án thứ cấp, với cấp độ A theo QCVN 40:2011/BTNMT, hiện đang lập thủ tục cấp GPMT và triển khai vận hành thử nghiệm. Hiện nay, KCN có 01 dự án thứ cấp đi vào hoạt động, trong thời gian chưa có hệ thống XLNT chung của KCN, dự án thứ cấp đã nâng cấp Trạm XLNT cục bộ (30m<sup>3</sup>/ngày đêm) đạt Cột A, QCVN 40:2011/BTNMT và Mức B bảng 3 QCVN 08:2023/BTNMT để sử dụng tưới cây xanh trong mặt bằng dự án, với tổng lượng nước thải công nghiệp khoảng 30m<sup>3</sup>/ngày đêm.

+ KCN Trà Đa: quy mô 213,3 ha, đã được đầu tư cơ sở hạ tầng và đi vào hoạt động, đã lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục và truyền dữ liệu về Sở Nông nghiệp và Môi trường để theo dõi, quản lý.

+ KCN Nam Pleiku: đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, hiện nay đang triển khai đầu tư cơ sở hạ tầng.

+ KCN thuộc Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh theo quy hoạch quy mô 210,1 ha, chưa được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

*- Các cụm công nghiệp:*

Đến nay, toàn tỉnh có 45 CCN đã đi vào hoạt động, trong đó có 08 CCN đã xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung đáp ứng yêu cầu BVMT; 01 CCN đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động. Nhằm tăng cường công tác quản lý môi trường đối với các CCN, ngoài việc triển khai kiểm tra, hướng dẫn các chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng CCN thực hiện đảm bảo công tác bảo vệ môi trường, thời gian qua tỉnh đã ban hành nhiều văn bản đôn đốc, hướng dẫn và giao chỉ tiêu phát triển (trong đó có một số chỉ tiêu về bảo vệ môi trường), trong đó có Quyết định số 1114/QĐ-UBND ngày 10/4/2023 của UBND tỉnh Bình Định về Phương án xử lý nước thải các cụm công nghiệp và làng nghề trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030, theo đó yêu cầu các CCN hoàn thành hồ sơ môi trường và hạ tầng BVMT. Đối với các cơ sở đầu tư thứ cấp trong CCN, các Nhà máy tự xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường do hầu hết các CCN chưa đồng tư hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung.

*- Các làng nghề:*

Các làng nghề trên địa bàn tỉnh hoạt động chủ yếu các ngành nghề như: gốm, sứ, đan lát, chế biến thực phẩm, dệt thổ cẩm, mây - tre - đan, nhạc cụ truyền thống, đồ gỗ mỹ nghệ.... Qua thống kê, lượng nước thải phát sinh chủ yếu tại các làng

nghe chế biến thực phẩm nhưng thường được các hộ làm nghề tái sử dụng phục vụ chăn nuôi. Riêng làng nghề bún tươi Ngãi Chánh, xã Nhơn Hậu, thị xã An Nhơn đã đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung với công suất 120m<sup>3</sup>/ngày.đêm từ nguồn vốn Chương trình Tăng trưởng xanh của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Quá trình hoạt động của các hộ làm nghề tại các làng nghề đều tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường; các làng nghề đều có phương án bảo vệ môi trường làng nghề và đều thành lập các tổ tự quản về bảo vệ môi trường theo quy định. Công tác thu gom và xử lý rác thải, nước thải đảm bảo, không có tình trạng xả thải bừa bãi, gây ảnh hưởng môi trường và không có phản ánh khiếu kiện của người dân về tình trạng ô nhiễm từ hoạt động sản xuất kinh doanh của các hộ làm nghề trong làng nghề.

*b) Về kiểm soát ô nhiễm đối với nguồn thải, nguồn ô nhiễm có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường (ÔNMT) cao*

Theo Quyết định số 1788/QĐ-TTg ngày 01/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ, tỉnh Gia Lai có 17 bãi rác nằm trong danh mục cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Đồng thời, tại Phụ lục II Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, tỉnh có các cơ sở hoạt động sản xuất thuộc loại hình, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường bao gồm: chế biến cao su, tinh bột sắn, mía đường, chăn nuôi, chế biến thủy sản, giết mổ gia súc, sản xuất bia, nước giải khát có gas, sản xuất sản phẩm có công đoạn mạ (chi tiết tại Phụ lục 8 kèm theo). Để kiểm soát công tác bảo vệ môi trường đối với các cơ sở thuộc loại hình nguy cơ ô nhiễm, định kỳ hằng năm, UBND tỉnh giao các ngành chức năng tổ chức kiểm tra công tác bảo vệ môi trường; qua đó, đã xử lý kiên quyết các hành vi vi phạm, yêu cầu các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh chấn chỉnh thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

Bên cạnh công tác kiểm tra định kỳ theo kế hoạch, UBND tỉnh giao Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý, vận hành đường dây nóng về BVMT để tiếp nhận và giải quyết phản ánh của công dân về tình trạng vi phạm pháp luật về BVMT, xả thải gây ô nhiễm môi trường. Theo đó, sau khi tiếp nhận thông tin từ các cơ quan báo chí, kiến nghị cử tri về vấn đề ô nhiễm môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành phân loại vụ việc để xử lý hoặc chuyển giao cho các cơ quan liên quan và các địa phương kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền.

Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 28 đơn vị (nhà máy, khu/cụm công nghiệp) sản xuất phát sinh nguồn thải lớn đang hoạt động đã thực hiện việc lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022. Ngoài ra, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã đầu tư và quản lý và vận hành 20 Trạm quan trắc nước mặt, nước ngầm, nước biển và không khí tự động, liên tục. Các thông số từ các trạm được truyền trực tiếp về Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường để theo dõi, quản lý. Hiện số liệu quan trắc không khí tự động được công khai trên cổng TTĐT của Trung tâm Quan trắc môi trường Miền Bắc – Cục Kiểm soát Ô nhiễm Môi trường (<https://cem.gov.vn>); trên cổng TTĐT tỉnh Gia Lai (<https://gialai.gov.vn>), trang TTĐT của Sở Nông nghiệp và Môi trường (<https://stnmt.gialai.gov.vn>) và ứng dụng VN Air trên điện thoại thông minh (Ứng dụng cung cấp thông tin chất lượng môi trường không khí trên điện thoại thông

minh) để người dân có thể truy cập, theo dõi diễn biến chất lượng không khí và chỉ số chất lượng nước mặt trên địa bàn tỉnh.

### **3.2. Về kiểm soát chất lượng môi trường**

#### **a) Kiểm soát chất lượng môi trường nước**

Trong các năm 2022-2024, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 4565/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 về phê duyệt khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của lưu vực sông La Tinh và các đầm trên địa bàn tỉnh, Quyết định số 326/QĐ-UBND ngày 18/7/2024 về phê duyệt khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải nguồn nước sông suối trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, hiện nay tỉnh tập trung cho việc xây dựng phân vùng môi trường của tỉnh; do đó, sau khi thực hiện phân vùng môi trường xong sẽ tiến hành xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng nước mặt.

Qua theo dõi chất lượng môi trường nước mặt tại 04 con sông lớn trên địa bàn tỉnh (Sông Kôn, Hà Thanh, La Tinh, Lại Giang) cho thấy chỉ số WQI về chất lượng nước mặt đều ở mức tốt. Tuy nhiên, một số vị trí trên sông Hà Thanh, nhất là nơi tiếp nhận nguồn thải từ khu dân cư tập trung, chỉ số QWI có sự dao động tương đối lớn theo mùa và có một số thời điểm không đạt quy chuẩn. Đối với địa bàn tỉnh Gia Lai cũ, chất lượng nước mặt tại các lưu vực sông và hồ chứa nước, công trình thủy lợi chưa có dấu hiệu ô nhiễm, các thông số đo đều nằm trong giới hạn cho phép. Đối với chất lượng môi trường nước dưới đất: Nhìn chung tất cả các thông số đo đặc đều đạt Quy chuẩn QCVN 09:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước ngầm. UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường đầu tư Hệ thống tiếp nhận, quản lý dữ liệu quan trắc môi trường tự động, liên tục; đến nay, hệ thống hoạt động ổn định và đã tiếp nhận dữ liệu quan trắc tự động của 09 Trạm quan trắc nước mặt tự động.

Ngoài ra, nhằm khắc phục ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường nước mặt, tỉnh tiếp tục duy trì việc vận hành các Nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt, các hệ thống xử lý nước thải tập trung tại các KCN, CCN, các bãi chôn lấp hợp vệ sinh, các cơ sở sản xuất có lưu lượng thải lớn, đồng thời thực hiện đóng cửa các bãi rác tạm, tăng cường yêu cầu các CCN, các cơ sở sản xuất chưa có hệ thống xử nước thải khẩn trương xây dựng hệ thống xử lý.

#### **b) Kiểm soát chất lượng môi trường không khí**

Thực hiện Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 18/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí và Quyết định số 1973/QĐ-TTg ngày 23/11/2021 về việc phê duyệt Kế hoạch quốc gia về quản lý chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2021 - 2025, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí tỉnh Bình Định giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030 được ban hành theo Quyết định số 723/QĐ-UBND ngày 13/3/2023.

Qua theo dõi, chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh ở mức tốt, các chỉ tiêu quan quan trắc về chất lượng môi trường không khí xung quanh trên địa bàn tỉnh hầu hết đều đạt quy chuẩn QCVN 05-2023/BTNMT.

Về khó khăn, vướng mắc: Công tác quan trắc môi trường đòi hỏi chi phí lớn trong đầu tư trang thiết bị cũng như trong quá trình vận hành các trạm quan trắc.

## 4. Về công tác quản lý chất thải

### 4.1. Về quản lý chất thải rắn sinh hoạt

*a) Phân tích, làm rõ trách nhiệm về quản lý chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH) của địa phương (UBND cấp tỉnh) theo quy định của Luật BVMT năm 2020.*

Nhằm triển khai thực hiện công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh, ngay sau khi Luật Bảo vệ môi trường được ban hành, UBND tỉnh Bình Định (cũ) đã ban hành Kế hoạch số 73/KH-UBND phân công trách nhiệm triển khai quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh Gia Lai (cũ) đã ban hành các quy định về quản lý chất thải rắn.

*b) Kết quả thực hiện trách nhiệm của địa phương (UBND cấp tỉnh) về quản lý CTRSH theo quy định của Luật BVMT năm 2020.*

Nhằm triển khai một cách đồng bộ các quy định của Luật Bảo vệ môi trường liên quan đến CTRSH, UBND tỉnh Bình Định (cũ) đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo quan trọng nhằm cụ thể hóa việc triển khai Luật BVMT trên địa bàn tỉnh, cụ thể: Kế hoạch số 187/KH-UBND ngày 08/11/2023 về BVMT tỉnh Bình Định đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030, Quyết định số 76/2023/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 Quy định về quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh, Kế hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Bình Định giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030, Kế hoạch Truyền thông về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2023-2025, Kế hoạch tổ chức thực hiện việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh<sup>1</sup>. UBND tỉnh Gia Lai (cũ) đã ban hành Quyết định số 42/2024/QĐ-UBND ngày 11/9/2024 quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Gia Lai, Kế hoạch số 2270/KH-UBND ngày 02/10/2024 kế hoạch triển khai phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

*c) Kết quả thực hiện quy hoạch đối với việc xây dựng các nhà máy xử lý rác trên địa bàn*

Thực hiện Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, tỉnh đã bố trí quỹ đất cho các Khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo Quy hoạch tỉnh, Kế hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Bình Định giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030; đồng thời, UBND tỉnh Bình Định (cũ) đã bố trí kinh phí đầu tư cho 07 dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại các địa phương (gồm các huyện An Lão, Tây Sơn, Vân Canh, Phù Cát, Phù Mỹ, Vĩnh Thạnh và thị xã Hoài Nhơn).

Ngoài ra, UBND tỉnh Bình Định (cũ) đã ban hành Kế hoạch số 200/KH-UBND ngày 04/12/2023 tổ chức thực hiện việc phân loại rác tại nguồn. Nội dung Kế hoạch quy định cụ thể trách nhiệm của các sở, ban, ngành, các hội đoàn thể và các địa phương trong việc chuẩn bị các điều kiện cần thiết để triển khai thực hiện công tác phân loại rác tại nguồn trên địa bàn tỉnh.

Trong công tác xử lý chất thải rắn sinh hoạt, tỉnh ưu tiên áp dụng các công nghệ hiện đại để xử lý CTRSH như đốt rác phát điện, đốt tiêu hủy, tái sử dụng làm phân bón,... đồng thời, đẩy mạnh công tác xã hội hóa, thu hút các nhà đầu tư tham gia lĩnh vực thu gom, xử lý CTRSH. Đến nay, UBND tỉnh đã phê duyệt kết quả lựa

<sup>1</sup> Kế hoạch số 200/KH-UBND ngày 04/12/2023.



chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất dự án Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt Long Mỹ sử dụng công nghệ đốt rác phát điện với công suất xử lý 500 tấn/ngày; đang thực hiện thủ tục kêu gọi nhà đầu tư triển khai dự án xử lý rác thải khu vực phía Bắc tỉnh tại thị xã Hoài Nhơn với công nghệ hỗn hợp đốt tiêu hủy hoặc sản xuất phân bón, tái chế nhựa, công suất xử lý dự kiến 250 tấn/ngày; giao Ban Quản lý dự án các công trình giao thông và dân dụng tỉnh làm chủ đầu tư Nhà máy xử lý rác Tây Sơn công suất 60 tấn/ngày. Đồng thời, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chức năng lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đối với Nhà máy xử lý rác thải tại xã Gào.

*d) Đầu tư nguồn lực (nhân lực, kinh phí) cho công tác quản lý CTRSH; hạ tầng kỹ thuật về thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH sau phân loại và việc đáp ứng so với nhu cầu của thực tiễn.*

\* Tỉnh Bình Định (cũ):

Về đầu tư nguồn lực, trong thời gian qua, ngân sách bố trí cho công tác thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh đã có sự chuyển biến và tăng dần theo từng năm (năm 2022 bố trí 67,07 tỷ đồng; năm 2023 là 157 tỷ đồng, năm 2024 và năm 2025 lần lượt là 190,8 và 194,6 tỷ đồng) để tăng cường năng lực cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải tại các địa phương. Ngoài ra, công tác xã hội hóa đối với hoạt động thu gom, vận chuyển CTRSH cũng được tỉnh quan tâm thực hiện. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 07 doanh nghiệp tư nhân và 25 cá nhân tham gia hoạt động thu gom, vận chuyển CTRSH.

Về hạ tầng kỹ thuật về thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH: Năm 2023, toàn tỉnh có 71 xe ép rác chuyên dụng, tăng 26 xe so với năm 2022 (trong đó: 15 xe của các đơn vị sự nghiệp công ích do tỉnh phân bổ kinh phí bổ sung mục tiêu và 11 xe do doanh nghiệp, tổ chức tự trang bị); 43 xe tải các loại và 679 xe đẩy tay. Năm 2024, UBND tỉnh bố trí kinh phí để mua 16 xe ép rác chuyên dụng. Năm 2025, UBND tỉnh đã phân bổ kinh phí để trang bị thêm 11 xe ép rác chuyên dụng nhằm đáp ứng nhu cầu tăng tần suất và mở rộng địa bàn thu gom tại các địa phương.

\* Tỉnh Gia Lai (cũ):

Hiện nay, công tác thu gom và xử lý tại các bãi chôn lấp do UBND các địa phương phê duyệt đơn giá và ký kết hợp đồng; nguồn kinh phí chi trả cho dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTR: một phần thu từ các hộ dân, phần còn lại do ngân sách huyện đảm bảo.

Nguồn tài chính đầu tư cho quản lý chất thải còn thiếu hụt và chưa cân đối giữa các lĩnh vực. Cơ cấu phân bổ ngân sách đang dành phần lớn cho hoạt động thu gom và vận chuyển chất thải. Do vậy, chi phí dành cho xử lý chất thải hiện nay là rất thấp, dẫn tới có nhiều bãi rác vẫn nằm trong danh mục cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

Nhiều địa phương chưa bố trí được quỹ đất và thiếu kinh phí để đầu tư, nâng cấp bãi chôn, khu xử lý chất thải tập trung cho hợp vệ sinh làm ảnh hưởng tới đời sống của người dân và vệ sinh môi trường khu vực. Các xã, thị trấn đã thành lập được tổ vệ sinh môi trường, tuy nhiên thù lao cho nhân viên thu gom chất thải và

kinh phí đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác vệ sinh môi trường lại phụ thuộc vào ngân sách nhà nước trong khi sự đóng góp của người dân còn hạn chế.

*đ) Thực trạng công tác phân loại CTRSH tại hộ gia đình, cá nhân; đánh giá việc thực hiện phân loại CTRSH theo quy định của Luật BVMT năm 2020.*

Việc tổ chức tuyên truyền hướng dẫn công tác phân loại chất thải đã được triển khai sâu rộng, đa dạng về hình thức nhưng chưa thực sự đồng bộ với công tác triển khai thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sau phân loại nên chưa tạo được sự quan tâm của người dân trong việc tự phân loại CTRSH phát sinh từ hộ gia đình.

*e) Hiện trạng phát sinh, thu gom, xử lý CTRSH khu vực đô thị, khu vực nông thôn từ sau khi Luật BVMT năm 2020 có hiệu lực thi hành. Đánh giá tỷ lệ thu gom, xử lý CTRSH so với giai đoạn trước khi Luật BVMT năm 2020 có hiệu lực thi hành. Việc kiểm soát ô nhiễm đối với các khu tập kết, trung chuyển và xử lý rác thải (các bãi rác) của địa phương.*

#### Tỉnh Bình Định (cũ)

\* Hiện trạng phát sinh, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh (trước khi Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực).

Trước khi Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực, ngành Xây dựng được giao quản lý CTRSH đô thị, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn công tác quản lý CTRSH nông thôn (Căn cứ theo Quyết định số 06/2013/QĐ-UBND ngày 16/4/2013 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế phối hợp quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bình Định). Công tác quản lý CTRSH được UBND tỉnh quan tâm triển khai thực hiện nhưng chưa đồng bộ, nhất là ở khu vực nông thôn. Tỷ lệ thu gom CTRSH đô thị trên địa bàn tỉnh năm 2021 đạt 81%.

Công tác xã hội hóa hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH chưa được quan tâm đẩy mạnh, nhất là thu hút các nhà đầu tư xử lý CTRSH. Hạ tầng trang thiết bị, phương tiện phục vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH còn thiếu (chủ yếu là xe công nông, xe chiến thắng,... chỉ có 45 xe ép rác chuyên dụng) và không đồng bộ nên hiệu quả triển khai không cao, đầu tư cho hạ tầng xử lý chất thải rắn sinh hoạt còn hạn chế.

Trên địa bàn cả tỉnh có 05 bãi chôn lấp hợp vệ sinh (trong đó chỉ có 01 bãi chôn lấp chất thải rắn của huyện Phù Cát sử dụng ngân sách nhà nước, 04 bãi chôn lấp chất thải rắn được đầu tư từ hỗ trợ, vay vốn nước ngoài. Phần lớn các xã không được hỗ trợ chi cho công tác thu gom rác. Do đó, các đơn vị thu gom chỉ thu gom 1- 2 lần/tuần bằng nguồn thu phí của người dân).

\* Đánh giá tỷ lệ thu gom, xử lý CTRSH so với giai đoạn trước khi Luật BVMT năm 2020 có hiệu lực thi hành:

Tỷ lệ thu gom, xử lý CTRSH đô thị trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua trên địa bàn tỉnh Bình Định có những chuyển biến tích cực so với giai đoạn trước khi Luật BVMT năm 2020 có hiệu lực. Cụ thể, năm 2022 tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị đạt 82,59% (tăng 1,59% so với năm 2021 và 34,49% so với năm 2020; đạt Nghị quyết của HĐND tỉnh giao 81%), đến năm 2023, tỷ lệ này đạt 86,04% (tăng 3,45% so với năm 2022 và đạt Nghị quyết của HĐND tỉnh giao 85%), năm 2024

đạt 93,72% (tăng 7,68% so với năm 2023 và đạt Nghị quyết HĐND tỉnh giao 90% - 95%).

Tỉnh Gia Lai (cũ):

Tại các đô thị: trung tâm 17 huyện, thị xã, thành phố đều có Công ty/Ban quản lý/Đội Công trình đô thị chịu trách nhiệm thu gom, vận chuyển chất thải rắn phát sinh. Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại các đô thị năm 2024 đạt 90,6%. Hiện tại, công tác thu gom đã được nâng cao so với trước nhưng nhìn chung vẫn chưa đáp ứng với lượng chất thải phát sinh ngày càng nhiều.

Tại khu vực nông thôn: Hiện nay, đa số các xã ở xung quanh khu vực đô thị đã được Công ty/Ban quản lý/Đội Công trình đô thị thu gom, vận chuyển về bãi chôn lấp của huyện, thị xã, thành phố. Một số xã xa trung tâm, dịch vụ thu gom chưa tiếp cận được; các xã đã tự thành lập Tổ/đội/hợp tác xã thu gom rác thải. Riêng đối với các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, mật độ dân cư thấp, các hộ dân tự thu gom, chôn lấp hoặc đốt trong khu vực vườn nhà.

*g) Hiện trạng áp dụng công nghệ xử lý CTRSH (chôn lấp, đốt, sản xuất mùn, công nghệ khác); kết quả thực hiện các chỉ tiêu quốc gia về quản lý CTRSH trên phạm vi toàn quốc.*

**\* Hiện trạng áp dụng công nghệ xử lý CTRSH**

Thời gian qua, CTRSH trên địa bàn tỉnh chủ yếu được xử lý bằng phương pháp chôn lấp. Toàn tỉnh hiện có 07 bãi chôn lấp CTRSH cấp huyện đảm bảo hợp vệ sinh (Các bãi chôn lấp thuộc TP. Quy Nhơn, các huyện Tây Sơn, Phù Cát, Phù Mỹ, Vân Canh, thị xã Hoài Nhơn, thành phố Pleiku). Hiện nay còn 16 huyện chưa có bãi chôn lấp hợp vệ sinh. Đối với một số bãi chôn lấp hợp vệ sinh cấp huyện tuy đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải nhưng hoạt động không thường xuyên và ổn định (tại các huyện Tây Sơn, Phù Cát, Phù Mỹ). Bên cạnh các bãi chôn lấp CTRSH, trên địa bàn tỉnh đã đầu tư 04 Lò đốt CTRSH đặt tại xã Nhơn Châu, thành phố Quy Nhơn (công suất 300 kg/h), xã An Hòa, huyện An Lão (1.000 kg/h), thị xã An Khê (công suất khoảng 10-11 tấn/ngày), huyện Chư Sê (công suất 14 tấn/ngày).

Theo Quyết định số 1788/QĐ-TTg ngày 01/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ, tỉnh Gia Lai có 17 bãi rác nằm trong danh mục cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Đến nay, có 08/17 bãi rác đã thực hiện đóng cửa, phủ đất, trồng cây xanh và chuyển sang chôn lấp tại vị trí mới gồm bãi rác An Khê, Chư Sê, Đức Cơ, Ia Grai, Phú Thiện, Kông Chro, Krông Pa, Đăk Pơ đã có thông báo chứng nhận hoàn thành xử lý triệt để ô nhiễm môi trường. Còn lại 09/17 bãi rác, trong đó: 04/12 bãi rác tại các huyện, thị xã đã đầy đang đẩy nhanh tiến độ xử lý ô nhiễm và lập thủ tục đề nghị hoàn thành (Ayun Pa, Chư Prông, Ia Pa, Chư Pưh); 04/12 bãi rác tại các huyện Kbang, Đăk Đoa, Mang Yang, Chư Păh đang còn sức chứa, trước mắt ưu tiên bố trí nguồn lực, kinh phí từ nguồn ngân sách địa phương, thu hút nguồn vốn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định để xử lý dứt điểm ô nhiễm môi trường tại các bãi rác, không để ảnh hưởng đến môi trường xung quanh; 01/12 bãi rác thành phố Pleiku tại xã Gào thành phố Pleiku với 03 ô chôn lấp đã đầy. Hiện nay, UBND tỉnh đang hoàn thiện các thủ tục pháp lý để triển khai dự án nhà máy xử lý rác, sớm đưa vào sử dụng nhà máy xử lý rác thải thành phố

và đóng cửa bãi chôn lấp tại xã Gào và chỉ đạo các cơ quan chức năng đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện các thủ tục đề nghị hoàn thành xử lý ô nhiễm triệt để đối với 09 bãi rác theo ý kiến chỉ đạo tại Công văn số 763/BTNMT-TCMT ngày 15/02/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quốc gia về quản lý CTRSH trên phạm vi toàn quốc: Theo Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050: mục tiêu đến 2025 sử dụng phương pháp chôn lấp trực tiếp cho tối đa 30% CTR sinh hoạt đô thị và 50% CTR sinh hoạt nông thôn được thu gom. Để thực hiện được mục tiêu này, tỉnh chủ trương lựa chọn và thu hút các nhà đầu tư triển khai dự án xử lý chất thải sinh hoạt với công nghệ tiên tiến hiện đại, tận dụng tối đa nguồn tài nguyên rác, hạn chế công nghệ chôn lấp (đốt rác phát điện, đốt tiêu hủy, xử lý hỗn hợp,...).

*h) Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về quản lý CTRSH; hướng dẫn, đôn đốc, chỉ đạo, thanh tra, kiểm tra về công tác quản lý CTRSH nói chung, chấp hành pháp luật về BVMT của các đơn vị thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH.*

\* Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về quản lý chất thải rắn sinh hoạt

Hàng năm, UBND tỉnh giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức biên soạn, phát hành nhiều sổ tay, tờ rơi, bộ tài liệu hỏi đáp về tuyên truyền, hướng dẫn công tác BVMT như: Sổ tay Giới thiệu Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Sổ tay Hướng dẫn phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại hộ gia đình, Tài liệu hỏi đáp về quản lý môi trường cho cán bộ cấp xã ...để tổ chức tuyên truyền, nâng cao năng lực cho hội viên các đoàn thể.

\* Về hướng dẫn, đôn đốc, chỉ đạo, thanh tra, kiểm tra về công tác quản lý CTRSH nói chung, chấp hành pháp luật về BVMT của các đơn vị thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH:

Theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường; hàng năm, UBND tỉnh ban hành kế hoạch kiểm tra định kỳ công tác BVMT tại các cơ sở sản xuất - kinh doanh - dịch vụ trên địa bàn tỉnh, trong đó có cơ sở xử lý chất thải rắn.

*i) Phân tích, làm rõ những tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý CTRSH*

- Về phân loại rác tại nguồn: Theo quy định của Luật BVMT về phân loại CTRSH sẽ phân làm tối thiểu 3 loại (Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm; CTRSH khác). Tuy nhiên, UBND tỉnh đang đầu tư và kêu gọi đầu tư các nhà máy xử lý CTRSH với công nghệ đốt rác hoặc đốt rác phát điện (có thể đốt được rác chưa phân loại). Trường hợp phân loại triệt để và tăng cường tái sử dụng chất thải thực phẩm làm phân bón thì sẽ khó khăn trong việc kêu gọi đầu tư các nhà máy đốt rác, đốt rác phát điện; nhưng nếu không thực hiện phân loại sẽ không đảm bảo theo quy định.

- Về hạ tầng, trang thiết bị phục vụ phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH sau phân loại: tại các địa phương trên địa bàn tỉnh Bình Định còn thiếu và

chưa đồng bộ giữa các khâu (thu gom, vận chuyển và xử lý các loại chất thải sau phân loại); nhất là hạ tầng thu gom, xử lý chất thải thực phẩm (chủ yếu vẫn áp dụng theo hình thức ủ chất thải thực phẩm bằng vi sinh tại mỗi hộ hoặc theo cụm từ 5 đến 100 hộ tham gia nên manh mún; chưa có xe chuyên dụng để vận chuyển thải thực phẩm sau phân loại).

- Việc tổ chức triển khai các mô hình phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn: chủ yếu vẫn là tại các xã đăng ký xây dựng nông thôn mới với hình thức thí điểm theo cụm từ 5 - 10 hộ/cụm hoặc phân tán và gặp nhiều khó khăn trong việc duy trì, mở rộng mô hình. Theo đó, nhiệm vụ này chưa đáp ứng theo yêu cầu tại Kế hoạch số 200/KH-UBND ngày 04/12/2023 của UBND tỉnh.

- Tại thành phố Quy Nhơn có xưởng chế biến phân hữu cơ (được đầu tư nguồn ODA của Vương Quốc Bỉ với công suất 250 tấn/ngày) tại Khu xử lý CTR Long Mỹ đi vào hoạt động từ năm 2008; tuy nhiên, do dây chuyền chỉ phù hợp rác đã phân loại; trong khi đó, rác thải của Quy Nhơn chưa được phân loại tại nguồn nên đầu ra khó khăn. Đối với các địa phương còn lại, chưa có hạ tầng xử lý chất thải thực phẩm tập trung, trong khi đó khu vực đô thị có diện tích đất hạn hẹp, nhà ở liên kề, không có vườn nên khó tìm vị trí để thực hiện ủ chất thải thực phẩm sau phân loại cũng như tìm người thực hiện thu gom chất thải thực phẩm.

\* Nguyên nhân các tồn tại, khó khăn:

- Các địa phương đã ban hành kế hoạch phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH nhưng chưa thực sự quyết liệt trong công tác triển khai; chưa thường xuyên rà soát, đánh giá để điều chỉnh, triển khai phương án/kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tiễn.

- Sự phối hợp giữa chính quyền địa phương, cơ quan chuyên môn và các hội đoàn thể trong thiết lập các mô hình phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn chưa thường xuyên, đặc biệt công tác phối hợp thực hiện trong công tác tuyên truyền về phân loại rác thải chưa được phát huy tối đa và toàn diện.

- Việc tái sử dụng, tái chế chất thải nhựa gặp khó khăn vì hiện nay nhiều loại chất thải nhựa hầu như không được thu gom, tái chế do không có nhu cầu của thị trường và không có đơn vị tái chế. Việc tái chế rác thải hữu cơ có thể thực hiện được nhưng phân compost không hiệu quả về kinh tế.

#### **4.2. Về quản lý nước thải đô thị**

Thời gian qua, tỉnh đã tập trung các nguồn lực cho công tác phát triển hạ tầng đô thị trên địa bàn tỉnh, tuy nhiên hạ tầng thu gom, xử lý nước thải các đô thị còn hạn chế. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh chỉ có thành phố Quy Nhơn đã được đầu tư xây dựng 02 nhà máy xử lý nước thải với tổng công suất là 30.350 m<sup>3</sup>/ngày.đêm (Nhà máy xử lý nước thải Nhơn Bình có công suất là 28.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm và Nhà máy xử lý nước thải 2A có công suất là 2.350 m<sup>3</sup>/ngày.đêm), chiếm 28% lượng nước thải đô thị toàn tỉnh phát sinh.

Để đảm bảo phát triển đô thị bền vững, đáp ứng định hướng của Chính phủ đến năm 2030 tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt tiêu chuẩn đạt 50% đối với đô thị loại II trở lên và 20% đối với các đô thị còn lại, tỉnh đang triển khai dự án Xây

dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật thoát nước mưa, thu gom, xử lý nước thải trên địa bàn thị xã An Nhơn, Hoài Nhơn và huyện Tây Sơn từ nguồn vốn ODA và hiện đang lập đề xuất dự án đầu tư hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung cho các đô thị loại V trên địa bàn tỉnh.

Về khó khăn, vướng mắc: Chi phí đầu tư hạ tầng thu gom và xử lý nước thải đô thị khá lớn, ngân sách địa phương khó đáp ứng nên phải tranh thủ từ các nguồn tài trợ hoặc vốn vay dẫn đến tiến độ chậm. Ngoài ra, phần lớn các khu vực đô thị tập trung đông dân cư đều được hình thành từ lâu nên việc nâng cấp, cải tạo hệ thống thoát nước thải rất khó khăn, phức tạp.

#### **4.3. Về quản lý chất thải trong hoạt động nông nghiệp, y tế, giao thông vận tải và xây dựng**

Nhằm tăng cường công tác quản lý chất thải trong hoạt động nông nghiệp, y tế, giao thông vận tải và xây dựng trên địa bàn tỉnh; UBND tỉnh đã ban hành 06 Quyết định<sup>2</sup> để tổ chức thực hiện. Theo đó kết quả đạt được như sau:

##### *a) Trong hoạt động nông nghiệp:*

- Về chăn nuôi: Đến nay, đã xây dựng được hơn 53.270 công trình biogas trên địa bàn tỉnh Bình Định (cũ). Đồng thời, vận động các cơ sở chăn nuôi, các hộ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh thực hiện các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học, gắn với sử dụng các chế phẩm sinh học nhằm giảm thiểu mùi hôi từ phân chuồng, giảm lượng khí thải từ hoạt động chăn nuôi; sử dụng hiệu quả khí gas từ các công trình khí sinh học làm chất đốt, đun nấu, hạn chế tình trạng ô nhiễm môi trường nông thôn.

Trên địa bàn tỉnh hiện có gần 2.000 trang trại chăn nuôi với trên 200 trang trại chăn nuôi quy mô vừa trở lên. Chất thải rắn phát sinh trong quá trình hoạt động được các trang trại thu gom và ủ bón cây, lắp đặt hệ thống xử lý nước thải sau biogas, nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi); hoặc được tận dụng tưới cho cây trồng và QCVN 01-195:2022/BNNPTNT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng).

- Về trồng trọt: trên địa bàn tỉnh Bình Định (cũ) có 15.965 bể chứa thuốc BVTV để thu gom vỏ chai lọ, bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng; bố trí các kho lưu chứa và tuyên truyền, vận động nhân dân thu gom vỏ bao bì, chai lọ thuốc về các bể chứa và Hợp đồng, chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định. Khối lượng CTNH phát sinh trên địa bàn tỉnh Bình Định (cũ) năm

---

<sup>2</sup>Quyết định: số 54/2019/QĐ-UBND ngày 02/12/2019 ban hành Quy định về phân công trách nhiệm trong công tác quản lý hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên địa bàn tỉnh Bình Định; số 68/2021/QĐ-UBND ngày 10/11/2021 ban hành quy định phân vùng phát thải khí thải và xả nước thải trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025; số 723/QĐ-UBND ngày 13/03/2023 ban hành Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí tỉnh Bình Định giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030; số 09/2023/QĐ-UBND ngày 13/3/2023 của UBND tỉnh ban hành Quy định hoạt động thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn tỉnh và số 76/2023/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 ban hành Quy định quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 42/2024/QĐ-UBND ngày 11/9/2024 ban hành quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2024 ước tính khoảng 2.722,5 tấn; khối lượng CTNH công nghiệp, nông nghiệp năm 2024 được thu gom, xử lý là 2.600 tấn, đạt tỷ lệ 95,5%.

*b) Trong hoạt động y tế:*

Bình Định: Toàn tỉnh có 21 cơ sở y tế có giường bệnh. Các cơ sở đều xây dựng hệ thống xử lý nước thải đảm bảo quy chuẩn; chất thải y tế nguy hại phát sinh tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh đều được tiếp tục thu gom, xử lý theo quy định hoạt động thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế theo Quyết định số 09/2023/QĐ-UBND ngày 13/3/2023 của UBND tỉnh. Khối lượng chất thải nguy hại y tế được thu gom, xử lý trong năm 2024 tại các cơ sở y tế là 329,135 tấn/năm (tăng 28,8% so với năm 2023); tỷ lệ xử lý 100%. Toàn bộ chất thải nguy hại y tế được thu gom, xử lý tại nhà máy xử lý chất thải nguy hại của Công ty TNHH TM và MT Hậu Sanh. Các cơ sở y tế lớn trên địa bàn tỉnh đều đầu tư đồng bộ và vận hành thường xuyên, liên tục hệ thống xử lý nước thải.

Gia Lai: Toàn tỉnh 27 cơ sở y tế có giường bệnh. Chất thải rắn y tế tại các bệnh viện đều được phân loại và thu gom hàng ngày, tập kết đến các khu vực xử lý riêng tùy thuộc đặc tính từng loại chất thải rắn để xử lý. Một số các cơ sở y tế tự vận chuyển bằng các phương tiện của đơn vị hoặc thuê các đơn vị đủ điều kiện, chức năng để vận chuyển xử lý đúng quy định theo khối lượng phát sinh chất thải rắn y tế nguy hại tại cơ sở. Công tác xử lý chất thải y tế: Đối với CTR có khả năng tái chế như: vỏ chai nhựa, vỏ lon, dây truyền dịch, chai thủy tinh không dính các thành phần nguy hại, bơm tiêm được loại bỏ đầu sắc nhọn và không chứa yếu tố lây nhiễm,... sẽ được thu gom lưu trữ cùng với CTRSH tái chế và bán lại cho các đơn vị thu mua. Đối với CTRYT nguy hại lây nhiễm: Hiện trên địa bàn tỉnh đang sử dụng 2 nhóm công nghệ chính là đốt và nghiền – hấp ướt. Công nghệ đốt có 22 cơ sở, công suất xử lý thiết kế của mỗi lò từ 20-25 kg/h (đốt 12h/ngày); công nghệ nghiền - hấp ướt có 05 cơ sở, công suất xử lý khoảng 20-25 kg/h, tuy vậy công nghệ này vẫn chưa xử lý hết được toàn bộ các loại chất thải y tế nguy hại. Còn các loại chất thải nguy hại khác như bóng đèn huỳnh quang, hộp mực in thải, tro xỉ lò đốt thì phải hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý theo đúng quy định.

*c) Trong hoạt động giao thông vận tải:*

Tỉnh đã triển khai áp dụng các quy định mới trong công tác kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ. Trong thời gian tới sẽ tiếp tục thực hiện một số Đề án như: Đề án phát triển vận tải hành khách bằng xe buýt, taxi; Đề án thí điểm hoạt động xe 04 bánh chạy bằng năng lượng điện phục vụ chở khách tham quan, du lịch trong khu vực hạn chế trên địa bàn thành phố Quy Nhơn và các tuyến nổi điểm du lịch theo các Quyết định của UBND tỉnh; qua đó, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, chuyển đổi sử dụng điện, năng lượng xanh đối với phương tiện, thiết bị, hạ tầng giao thông xanh trong giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh.

Ngoài ra, nhằm triển khai thực hiện Chương trình hành động chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải, UBND tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị trong ngành giao thông vận tải nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, chuyển đổi sử dụng điện, năng lượng xanh đối với phương tiện, thiết bị, hạ tầng giao thông xanh trong giao thông vận tải; nâng cao chất lượng

công tác kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ trên địa bàn tỉnh.

*d) Trong hoạt động xây dựng:*

UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành, địa phương thực hiện việc giám sát công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải phát sinh từ hoạt động xây dựng tại các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh; theo đó, các đơn vị đã hướng dẫn và yêu cầu các chủ đầu tư chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật về lĩnh vực bảo vệ môi trường đối với hoạt động xây dựng.

#### ***4.4. Về quản lý một số loại chất thải đặc thù***

Trên địa bàn tỉnh Bình Định (cũ) hiện có 70 hệ thống điện mặt trời mái nhà (ĐMTMN) lắp đặt trên 31 công trình nông nghiệp, lâm nghiệp dưới mô hình trang trại nuôi trồng với tổng công suất 66,66 MWp. Trong thời gian qua, UBND tỉnh đã hướng dẫn các nhà máy pin năng lượng mặt trời có phát sinh tấm pin năng lượng mặt trời hư hỏng thải bỏ tại thực hiện thu gom, chuyển giao cho các đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định. Theo đó, từ năm 2023 đến nay, tổng khối lượng tấm pin năng lượng mặt trời đã thu gom và chuyển giao cho Công ty TNHH Thương mại và Môi trường Hậu Sanh để xử lý theo quy định là 4.819 kg.

Hiện nay, chưa có quy định cụ thể việc quản lý và hướng dẫn thu gom, vận chuyển, xử lý đối với các thiết bị điện tử, pin xe điện thải bỏ nên việc thu gom, tái chế các loại chất thải này đối với nhà sản xuất và nhà nhập khẩu chưa được triển khai thực hiện theo quy định; do đó, chưa thống kê tình hình phát sinh, thu gom, xử lý đối với các loại chất thải trên. Trong thời gian qua, các cơ quan chức năng của tỉnh đã hướng dẫn việc thu gom pin, bóng đèn huỳnh quang thải phát sinh từ hộ gia đình trên địa bàn tỉnh ở các xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao; đến nay, các xã đã thực hiện công tác thu gom pin, bóng đèn huỳnh quang thải và hợp đồng với Công ty TNHH Thương mại và Môi trường Hậu Sanh để xử lý theo quy định.

#### ***4.5. Về giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải nhựa, phòng, chống ô nhiễm rác thải nhựa đại dương***

Trong thời gian qua, thực hiện các chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai các chương trình, kế hoạch hoạt động hưởng ứng, thực hiện Phong trào Chống rác thải nhựa, cụ thể: Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh Bình Định về thực hiện Phong trào “Chống rác thải nhựa” trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của UBND tỉnh Bình Định về việc Ban hành Kế hoạch hành động về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh, Kế hoạch số 837/KH-UBND, ngày 22/4/2019 của UBND tỉnh Gia Lai về thực hiện phong trào “Chống rác thải nhựa” trên địa bàn tỉnh, văn bản số 1050/UBND-CNXD ngày 17/5/2019 của UBND tỉnh Gia Lai về kêu gọi hành động giải quyết vấn đề rác thải nhựa.

Hưởng ứng Phong trào Chống rác thải nhựa, trên địa bàn tỉnh đã diễn ra nhiều hoạt động truyền thông về giảm thiểu rác thải nhựa với nhiều hình thức triển khai đa dạng và phong phú như:



- Tại các cơ quan, đơn vị: quán triệt việc không sử dụng nước đóng chai sử dụng một lần trong các cuộc họp và trong sinh hoạt cơ quan, đơn vị, thay thế bằng các dụng cụ (*bình thủy tinh, bình sứ,...*); hạn chế sử dụng băng rôn, áp phích bằng nhựa dùng một lần.

- Tổ chức các hoạt động tuyên truyền trực quan: Lắp đặt Pano, treo băng rôn, phướn tuyên truyền; tuyên truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng (báo, đài, cổng thông tin điện tử,...); tổ chức các hoạt động ra quân hưởng ứng Phong trào: Ra quân làm sạch bãi biển; các cuộc thi sáng kiến về giảm thiểu rác thải nhựa; thực hiện các mô hình giảm thiểu chất thải nhựa tại các siêu thị, chợ dân sinh trên địa bàn tỉnh.

- Tại các xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh đã triển khai mô hình “Ngôi nhà Xanh” để thu gom xử lý chất thải nhựa và bao bì nhựa sử dụng một lần.

### **5. Về công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán về bảo vệ môi trường; đấu tranh phòng, chống tội phạm về môi trường; giải quyết khiếu nại, tố cáo (phân tích, đánh giá kết quả trong 3 năm 2022 - 2024, so sánh đối chiếu với kết quả giai đoạn 2016 - 2021)**

Sau khi Luật BVMT năm 2020 được ban hành, công tác kiểm tra về bảo vệ môi trường được chú trọng, triển khai đồng bộ ở các cấp; đồng thời, công tác xử lý vi phạm triệt để hơn. Ngoài ra, các ngành, địa phương của tỉnh còn triển khai công tác kiểm tra đột xuất phát từ đơn thư phản ánh, kiến nghị của nhân dân, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, đường dây nóng.

Tỉnh Bình Định (cũ):

Trong giai đoạn 2016 – 2021, toàn tỉnh đã kiểm tra công tác bảo vệ môi trường đối với 776 cơ sở, xử phạt 3.637.750.000 đồng; giai đoạn 2022 - 2024 kiểm tra 423 cơ sở, xử phạt 4.495.419.939 đồng.

Bên cạnh đó, việc triển khai đồng bộ đường dây nóng về BVMT trên địa bàn tỉnh thời gian qua đã góp phần nắm bắt và giải quyết kịp thời phản ánh và bức xúc của người dân đối với tình trạng ô nhiễm môi trường. Từ năm 2017 đến 2024, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các địa phương cấp huyện giải quyết 30/30 vụ việc phản ánh qua đường dây nóng về môi trường. Đối với đường dây nóng cấp tỉnh, số vụ việc tiếp nhận qua đường dây nóng từ năm 2017 đến 2024 là 109 vụ, đều đã được kiểm tra, giải quyết dứt điểm. Đồng thời, từ đầu năm 2022 đến nay, toàn tỉnh triển khai việc thực hiện Quy chế tiếp nhận, xử lý thông tin đường dây nóng về ô nhiễm môi trường theo quy trình mới do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành, góp phần tăng cường tính kịp thời và hiệu quả trong giải quyết các vụ việc phản ánh qua đường dây nóng về môi trường.

\* Tỉnh Gia Lai (cũ):

Năm 2022: Xử phạt 18 vụ việc với tổng số tiền 454.577.914 đồng;

Năm 2023: Xử phạt 22 vụ việc với tổng số tiền 3.576.990.000 đồng;

Năm 2024: Xử phạt 24 vụ việc với tổng số tiền 698.925.000 đồng.

### **6. Về việc tổ chức và phát triển thị trường các-bon, trong đó có nội dung**

**trao đổi tín chỉ các-bon rừng; việc thực hiện cam kết quốc tế về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; triển khai các giải pháp chống sạt lở bờ sông, bờ suối trên địa bàn tỉnh**

### ***6.1. Về tổ chức phát triển thị trường các-bon, trong đó có nội dung trao đổi tín chỉ các-bon rừng***

#### ***6.1.1. Đánh giá tiềm năng tín chỉ cacbon, trao đổi tín chỉ cacbon trên địa bàn***

Diện tích đất có rừng của tỉnh là: 1.034.215,20 ha (rừng tự nhiên 692.722,48 ha; rừng trồng 295.105,59 ha; rừng trồng chưa thành rừng 46.387,13 ha). Theo kết quả công bố hiện trạng rừng toàn quốc tại Quyết định số 816/QĐ-BNN-KL ngày 20/3/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tổng diện tích có rừng của tỉnh Gia Lai hiện đang lớn nhất khu vực Tây Nguyên, đứng thứ 4 trên toàn quốc với nguồn tài nguyên đa dạng sinh học giàu có. Ngày 15/9/2021, Khu dự trữ sinh quyển Cao nguyên Kon Hà Nừng được Tổ chức UNESCO thế giới công nhận là Khu dự trữ sinh quyển thế giới, là 1 trong 11 Khu dự trữ sinh quyển thế giới tại Việt Nam. Khu Dự trữ sinh quyển Cao nguyên Kon Hà Nừng có tổng diện tích 413.511,67 ha, vùng lõi có diện tích 57.439,83 ha bao gồm toàn bộ diện tích Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh và Khu BTTN Kon Chư Răng hầu hết là rừng nguyên sinh, chưa bị tác động bởi khai thác rừng, phá rừng, với hệ sinh thái đặc trưng là rừng kín nhiệt đới thường xanh cây lá rộng; rừng kín nhiệt đới thường xanh cây lá kim; rừng thưa thường xanh cây lá rộng; rừng thưa thường xanh lá kim; thảm cây bụi; trảng cỏ; và các khu vực đất nông nghiệp, khu dân cư có tính đa dạng sinh học cao, đặc trưng cho hệ sinh thái rừng của các tỉnh Tây Nguyên.

Tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TU Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI về phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững, tăng cường sinh kế, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2030; Chương trình hành động số 899/CTr ngày 09/5/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết về phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững, tăng cường sinh kế, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2030 đã giải quyết tốt vấn đề sinh kế cho người dân, triển khai chương trình tín chỉ cacbon và quản lý bảo vệ nghiêm ngặt 478.681,47 ha rừng tự nhiên cùng với sự phục hồi, làm giàu rừng theo các diễn thế tự nhiên, phù hợp quy luật và rừng tự nhiên có tính đa dạng sinh học cao, có thể nói Gia Lai là đại ngàn của Tây Nguyên và cả nước.

Qua đó cho thấy, Gia Lai có tiềm năng lớn để phát triển thị trường tín chỉ cacbon, đặc biệt là tín chỉ cacbon rừng. Việc khai thác hiệu quả tiềm năng này có thể mang lại lợi ích kinh tế và môi trường đáng kể cho tỉnh.

#### ***6.1.2. Đánh giá việc phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường xác định tiềm năng giảm phát thải và hấp thụ cacbon từ rừng đóng góp cho việc thực hiện mục tiêu NDC để làm cơ sở cho các hoạt động trao đổi tín chỉ cacbon rừng với các đối tác quốc tế***

Ngày 11/10/2023, Cục Lâm nghiệp có công văn số 1068/LN&KH&HTQT về hướng dẫn, trả lời xây dựng đề án kinh doanh tín chỉ cacbon, như sau: “Hiện nay,

Cục Lâm nghiệp đang chủ trì, tham mưu Bộ Nông nghiệp và PTNT xây dựng, đàm phán và triển khai Thỏa thuận mua bán giảm phát thải từ rừng khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ (ERPA) gồm 11 tỉnh trong đó có tỉnh Gia Lai để triển khai Ý định thư giữa Bộ Nông nghiệp và PTNT và Tổ chức Tăng cường tài chính lâm nghiệp (Emergent) thiết lập hợp tác giữa Việt Nam và Liên minh giảm phát thải và tăng cường Tài chính Lâm nghiệp (LEAF). Dự kiến, Việt Nam sẽ chuyển nhượng cho LEAF/Emergent 5,15 triệu tấn CO<sub>2</sub> giảm phát thải từ rừng tại vùng Tây Nguyên và Nam Trung Bộ giai đoạn 2022-2026. LEAF/Emergent sẽ thanh toán cho dịch vụ này với giá tối thiểu là 10 USD/1 tấn CO<sub>2</sub>. Cục Lâm nghiệp sẽ phối hợp chặt chẽ với các địa phương để xây dựng, đàm phán và triển khai ERPA theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam và yêu cầu của quốc tế”. UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp chặt chẽ với Cục Lâm nghiệp xây dựng đề án tín chỉ cacbon trên địa bàn tỉnh.

***6.1.3. Đánh giá việc trao đổi tín chỉ cacbon rừng ra quốc tế đảm bảo việc thực hiện mục tiêu, cam kết giảm phát thải theo NDC và lợi ích quốc gia; tổ chức chia sẻ lợi ích thu được từ việc trao đổi tín chỉ cacbon ra quốc tế***

Đây là vấn đề mới, mang tính chất cam kết giao dịch quốc tế, chưa có các quy định cụ thể của pháp luật Việt Nam. Quá trình triển khai thí điểm vướng các vấn đề quy định của pháp luật, về Luật Ngân sách chưa quy định trong mục lục ngân sách, địa phương bố trí ngân sách nhưng không có định mức, không rõ về kết quả nên khó triển khai; về Luật Đấu thầu lựa chọn đơn vị tư vấn (đồng thời là nhà đầu tư tiềm năng) quốc tế; về Luật Quản lý và sử dụng tài sản công thì tín chỉ cacbon là một dạng tài sản công, trong khi Luật Lâm nghiệp năm 2017 và Nghị định số 156/2018/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Lâm nghiệp chưa có quy định rõ quyền tín chỉ Cacbon thuộc sở hữu địa phương. Do đó, cần có những hướng dẫn, quy định cụ thể từ Trung ương để triển khai thực hiện cụ thể tại địa phương.

Hiện tại, tỉnh Gia Lai đang trong quá trình chuẩn bị các điều kiện cần thiết để có thể tham gia trao đổi tín chỉ cacbon một cách hiệu quả nhất; các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng được chú trọng.

***6.2. Việc thực hiện cam kết quốc tế về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính***

Trong thời gian qua, tỉnh đã triển khai thực hiện công tác kiểm kê khí nhà kính và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; chỉ đạo chỉ đạo các sở, ban, ngành liên quan triển khai các quy định pháp luật và theo dõi, đôn đốc các cơ sở thực hiện kiểm kê khí nhà kính, thực hiện các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính giai đoạn từ năm 2023 đến hết năm 2025. Ngoài ra, UBND tỉnh đã có Văn bản số 7298/UBND-KT ngày 18/9/2024 triển khai Quyết định số 13/2024/QĐ-TTg ngày 13/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính; trong đó, giao các Sở, ngành theo chức năng và nhiệm vụ thực hiện kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở, xây dựng Kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định tại Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và triển khai hoạt động đào tạo nâng cao năng lực, hướng dẫn kỹ thuật về kiểm kê khí nhà kính cho các cơ sở phải thực hiện kiểm kê

khí nhà kính trên địa bàn tỉnh.

### **6.3. Về việc triển khai các giải pháp phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ suối những khu vực xung yếu có nguy cơ sạt lở trên địa bàn tỉnh**

#### **6.3.1. Kết quả xây dựng kế hoạch tổng thể phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ suối đến năm 2030 của địa phương**

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 1051/KH-UBND ngày 25/5/2022 về việc Triển khai thực hiện Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ suối đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 1859/KH-UBND ngày 31/7/2024 về sửa đổi, bổ sung Kế hoạch số 1051/KH-UBND ngày 25/5/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ suối đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh.

Hàng năm, UBND tỉnh chỉ đạo UBND cấp huyện, cấp xã và cơ quan chức năng tổ chức rà soát kiểm tra các khu vực xung yếu có khả năng sạt lở để triển khai phương án ứng phó trước mùa mưa lũ nhằm đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản của người dân; Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh phân công các thành viên Ban Chỉ huy trực tiếp kiểm tra, đôn đốc, triển khai phương án ứng phó tại địa bàn được phân công.

#### **6.3.2. Kết quả thực hiện đầu tư xây dựng công trình phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ suối trên địa bàn tỉnh**

Danh mục dự án công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ suối giai đoạn 2021-2025:

- Các dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025<sup>(3)</sup>.
- Các dự án bố trí giai đoạn 2021-2025<sup>(4)</sup>.
- Các dự án bố trí ổn định dân cư giai đoạn 2021-2025
- + Các dự án đã hoàn thành năm 2022<sup>(5)</sup>.
- + Các dự án triển khai giai đoạn 2023-2025<sup>(6)</sup>.

Bên cạnh đó, trong năm 2024, UBND tỉnh đã triển khai thực hiện xây dựng công trình kè chống sạt lở bờ sông, suối tại các khu vực: Trạm bơm điện Chư Răng 2, thôn Quý Đức, cầu Ia Kdăm thuộc địa bàn huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai triển khai các thủ tục đầu tư dự án Kè chống sạt lở bờ sông Ia Sol.

<sup>(3)</sup>(1) Kè chống sạt lở sông Ba chảy qua địa bàn huyện Ia Pa, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai; (2) Kè chống sạt lở trung tâm hành chính huyện Chư Sê; (3) Kè chống sạt lở sông Ia Sol, đoạn qua thị trấn Phú Thiện, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai; (4) Kè chống sạt lở suối Hội Phú, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã bố trí vốn giai đoạn 2016-2020, giai đoạn 2021-2025 đã đề xuất Bộ, ngành Trung ương bố trí các nguồn vốn đầu tư, hiện nay các Bộ, ngành Trung ương chưa bố trí thêm nguồn vốn đầu tư đối với dự án.

<sup>(4)</sup>(1) Dự án xây dựng cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường tỉnh; (2) Dự án Cấm mốc bảo vệ hành lang nguồn nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2023-2024; (3) Dự án Kè chống sạt lở Suối Hội phú (đoạn từ đường Lê thánh Tôn đến đường Nguyễn Trung trực – Chùa Minh Thành), thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; (4) Dự án Xây dựng các hồ chứa nước và hoàn thiện hệ thống kênh mương thủy lợi, giai đoạn 2023-2026.

<sup>(5)</sup>(1) Dự án bố trí dân cư vùng sạt lở xã Ayun, huyện Chư Sê; (2) Dự án bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai tại xã Ia Broãi, huyện Ia Pa; (3) Dự án bố trí dân cư vùng thiên tai tại xã Đăk Rong, huyện Kbang; (4) Dự án bố trí ổn định dân cư tự do xã Chư A Thai, huyện Phú Thiện.

<sup>(6)</sup>(1) Dự án bố trí dân cư tự do tập trung huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai; (2) Dự án bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai suối cạm, thôn Thắng Lợi 3, xã Ia Sol, huyện Phú Thiện; (3) Dự án bố trí dân cư tự do tại Thôn Đoàn Kết, xã Ia Pior, huyện Chư Prông.

## 7. Về một số nội dung khác

### 7.1. Tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm BVMT

Công tác truyền thông nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường được các sở, ban, ngành, hội đoàn thể và địa phương trên địa bàn tỉnh triển khai tương đối đồng bộ và đa dạng về hình thức thực hiện. Đặc biệt, tập trung triển khai các hoạt động nhằm tuyên truyền Luật Bảo vệ môi trường 2020, hưởng ứng các sự kiện về môi trường (Ngày Môi trường thế giới và Ngày Quốc tế Đa dạng sinh học năm, Chiến dịch Làm cho thế giới sạch hơn, Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam và Ngày Đại dương thế giới năm,...) với mục tiêu thay đổi hành vi, thói quen trong cuộc sống hàng ngày, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường, bảo vệ sức khỏe con người và hệ sinh thái.

Ngoài ra, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 08/02/2023 về truyền thông về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2023 - 2025. Kế hoạch tập trung vào 03 nội dung chính: tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường, chú trọng tuyên truyền Luật Bảo vệ môi trường 2020; tuyên truyền, triển khai nhân rộng các mô hình về bảo vệ môi trường; tuyên truyền, bồi dưỡng kỹ năng truyền thông môi trường. Năm 2023, UBND tỉnh đã tổ chức Lễ mít-tinh với chủ đề “Giải pháp cho ô nhiễm nhựa”; năm 2024, tổ chức Lễ Phát động với chủ đề “Phục hồi đất, chống hạn hán và sa mạc hoá” cùng các hoạt động hưởng ứng sự kiện Ngày Môi trường thế giới 05/6 và Tháng hành động vì môi trường. Ngoài ra, UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ngành đã tổ chức biên soạn, phát hành nhiều sổ tay, tờ rơi, bộ tài liệu hỏi đáp về tuyên truyền, hướng dẫn công tác BVMT; lồng ghép phổ biến nội dung trọng tâm của Luật Bảo vệ môi trường (Luật số 72/2020/QH14), các văn bản liên quan và áp phích truyền thông về bảo vệ môi trường trong 18.000 bản<sup>7</sup> tài liệu PBGDPL các loại; qua đó, một số mô hình đã được duy trì và nhân rộng, góp phần cải thiện chất lượng môi trường trên địa bàn tỉnh.

### 7.2. Nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ về BVMT

a) Thực hiện các đề tài, nhiệm vụ, dự án nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ về BVMT:

<sup>7</sup> Nội dung: Phổ biến Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 trong **3.800** bản Sổ tay PBGDPL ở thôn, làng, khu dân cư (quý II, III năm 2021); phổ biến Nghị định số 55/2021/NĐ-CP ngày 24/5/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường trong **1.900** bản Sổ tay PBGDPL ở thôn, làng, khu dân cư (quý III năm 2021); phổ biến Nghị quyết số 18/2022/UBTVQH15 ngày 23/3/2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn trong **1.100** bản Sổ tay PBGDPL ở thôn, làng, khu dân cư (quý II năm 2022); phổ biến Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới trong **1.100** bản Sổ tay PBGDPL ở thôn, làng, khu dân cư (quý IV năm 2022); phổ biến Thông tư số 02/2023/TT-BGTVT ngày 21/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ trong **1.100** bản Sổ tay PBGDPL ở thôn, làng, khu dân cư (quý I năm 2023); đăng tải áp phích truyền thông về bảo vệ môi trường trong **6.600** bản Sổ tay PBGDPL ở thôn, làng, khu dân cư (các số quý I, II, III năm 2022 (mỗi quý 1.100 bản); quý I, IV năm 2023 (mỗi quý 1.100 bản); quý IV năm 2024 (1.100 bản)); phổ biến Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 trong **2.400** bản Sổ tay PBGDPL dành cho người dân tộc thiểu số (Kỳ I, II năm 2021 với số lượng 1.200 bản/kỳ).

Công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực BVMT và ứng phó với biến đổi khí hậu đã được quan tâm thực hiện. Từ năm 2020 đến nay, tỉnh đã thực hiện 03 nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh liên quan đến lĩnh vực BVMT; trong đó, 02 nhiệm vụ đã nghiệm thu và được bàn giao kết quả cho các đơn vị liên quan (nhiệm vụ “Nghiên cứu số hóa và quản lý cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn tỉnh Bình Định” và nhiệm vụ “Nghiên cứu, đề xuất giải pháp xử lý nước thải chăn nuôi heo quy mô nhỏ (từ 50 - 100 con) chi phí thấp”), 01 nhiệm vụ đang thực hiện (nhiệm vụ “Hoàn thiện và triển khai áp dụng kết quả ứng dụng công nghệ GIS, viễn thám, địa kỹ thuật và trí tuệ nhân tạo để khoanh vùng và cảnh báo tình trạng trượt lở đất, đá tại các khu vực trọng điểm tỉnh Bình Định”).

b) Việc triển khai ứng dụng giải pháp, công nghệ, mô hình BVMT trong thực tế:

Hàng năm, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Công Thương đã lồng ghép vào chương trình khuyến công thông qua các đề án Hỗ trợ máy móc thiết bị, xây dựng mô hình trình diễn công nghệ sản xuất tiên tiến thân thiện với môi trường. Qua đó, hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật; chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp cho 110 đề án với tổng kinh phí hỗ trợ 17.961,9 triệu đồng.

Một số mô hình BVMT và xử lý chất thải đã được thực hiện thành công trên địa bàn tỉnh thời gian qua. Đơn cử như mô hình nuôi trùn quế để xử lý chất thải chăn nuôi heo tại Trại heo giống ở xã Canh Vinh, huyện Vân Canh. Mô hình công trình khí sinh học biogas trong xử lý chất thải chăn nuôi heo cũng đã được triển khai rộng rãi và đem lại hiệu quả rõ nét trên địa bàn tỉnh. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có khoảng 53.270 công trình biogas được xây dựng, lắp đặt để xử lý chất thải đối với hoạt động chăn nuôi quy mô nông hộ cũng như các trang trại quy mô lớn, góp phần đáng kể trong việc hạn chế tình trạng ô nhiễm môi trường.

### **7.3. Hội nhập và hợp tác quốc tế**

Trong năm 2021, trên địa bàn tỉnh đã triển khai 02 dự án do Quỹ Môi trường toàn cầu tài trợ: (1) Dự án “Nâng cao năng lực quản lý và ý thức bảo vệ môi trường của cộng đồng địa phương, xây dựng mô hình cộng đồng thu gom, phân loại, xử lý nhằm giảm thiểu rác thải nhựa tại các xã, phường ven biển thuộc Vịnh Quy Nhơn”<sup>8</sup>, (2) Dự án “Nâng cao năng lực của các tổ chức cộng đồng địa phương gắn với giao quyền quản lý, bảo vệ rạn san hô tại vùng biển ven bờ thuộc Vịnh Quy Nhơn”<sup>9</sup>.

<sup>8</sup> Triển khai các hoạt động như tập huấn, hội thảo nâng cao năng lực cho cộng đồng, cán bộ quản lý và thực hiện hiệu quả các mô hình: làm phân compost ở xã Nhơn Châu; mô hình khu dân cư kiểu mẫu ở khu vực I, phường Ghềnh Ráng; mô hình kinh tế tuần hoàn ở trường THCS Nhơn Lý, bãi biển không rác thải, nhà hàng thân thiện với môi trường, tổ chức 3 điểm Hội thi “Sáng kiến cộng đồng về thu gom, xử lý và phân loại rác thải sinh hoạt trong gia đình” và 4 điểm “Truyền thông về bảo vệ môi trường biển, giảm thiểu rác thải nhựa đại dương” tại xã Nhơn Lý, Nhơn Hải, Nhơn Châu và Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn,...

<sup>9</sup> Tổ chức thi rung chuông vàng và thi vẽ tranh cho học sinh tại 04 trường Tiểu học và THCS ở 4 xã /phường Nhơn Lý, Nhơn Châu, Nhơn Hải và Ghềnh Ráng với chủ đề “Vì 1 đại dương xanh không rác thải nhựa và bảo vệ rạn san hô vịnh Quy Nhơn”. Có khoảng 1.400 học sinh 4 trường đã tham gia hoạt động, qua đó được phổ biến kiến thức và nâng cao nhận thức về bảo vệ rạn san hô, môi trường và giảm thiểu rác thải nhựa; Cuộc thi sáng tác và biểu diễn tiểu phẩm truyền thông cộng đồng dạng sân khấu hóa về bảo vệ nguồn lợi, rạn san hô, giảm thiểu rác thải nhựa tại 4 xã/phường trong khu vực biển Vịnh Quy Nhơn; Xây dựng 4 pano giới thiệu bản đồ khu vực biển giao cho cộng đồng quản lý và 2 poster về bảo vệ rùa biển và phân loại rác thải nhựa.

Từ năm 2022 đến năm 2024, tỉnh triển khai dự án “Thí điểm các mô hình quản lý chất thải rắn sinh hoạt và chất thải ngành thủy sản nhằm thúc đẩy Kinh tế tuần hoàn tại thành phố Quy Nhơn”<sup>10</sup> do Chương trình Phát triển Liên hợp quốc tài trợ. Hiện nay, tỉnh đang phối hợp Chương trình Phát triển Liên hợp quốc tại Việt Nam hoàn thiện dự thảo Văn kiện dự án: “Hỗ trợ thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia về rác thải nhựa đại dương trong bối cảnh phục hồi xanh hậu COVID-19 tại Việt Nam” để trình Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt.

Hiện nay, UBND tỉnh đang triển khai dự án Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật thoát nước mưa, thu gom, xử lý nước thải trên địa bàn thị xã An Nhơn, Hoài Nhơn và huyện Tây Sơn do Cơ quan Phát triển Pháp (AFD) tài trợ.

#### **7.4. Cải cách thủ tục hành chính**

Để đẩy nhanh tiến độ giải quyết hồ sơ môi trường, tất cả các TTHC về môi trường đều được tiếp nhận trực tuyến trên hệ thống hành chính công của UBND tỉnh và đã tiến hành đơn giản hóa, cắt giảm thời gian giải quyết từ 34%-60% đối với một số thủ tục hành chính phát sinh thường xuyên và liên quan đến người dân và doanh nghiệp, cụ thể:

- Thủ tục Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: giảm thời gian giải quyết theo 02 đối tượng: (1) giảm từ 50 ngày xuống còn 25 ngày đối với 04 loại hình dự án phổ biến: tuyến đường giao thông; khu dân cư, tái định cư; xây dựng trụ sở cơ quan; khai thác đất làm vật liệu san lấp và (2) giảm từ 50 ngày xuống còn 33 ngày đối với các loại hình dự án còn lại.

- Thủ tục Cấp giấy phép môi trường: Giảm thời gian giải quyết từ 30 ngày xuống còn 23 ngày.

Về công khai thông tin thủ tục hành chính: Để thuận lợi cho các chủ đầu tư trong quá trình thực hiện các TTHC về môi trường, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường đăng tải một số biểu mẫu báo cáo đánh giá tác động môi trường, báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của một số loại hình dự án phổ biến trên địa bàn tỉnh trên Cổng thông tin điện tử để tổ chức, cá nhân tham khảo trong quá trình lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường.

#### **7.5. BVMT trong hoạt động mai táng, hỏa táng**

UBND tỉnh đã ban hành Quy định về phân cấp xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh (theo Quyết định số 80/2017/QĐ-UBND ngày 22/12/2017). Hiện nay, tỉnh đang triển khai áp dụng theo QCVN 07-10:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình nghĩa trang, cơ sở hỏa táng và nhà tang lễ. Trên địa bàn tỉnh hiện có 01

<sup>10</sup> Triển khai các nội dung như: Khảo sát, điều tra, đánh giá thành phần, khối lượng rác thải nhựa phát sinh làm cơ sở xây dựng hệ số phát thải rác thải nhựa cho từng đối tượng trên địa bàn thành phố Quy Nhơn, định lượng nguyên liệu đầu vào cho MR; nâng cao nhận thức và hỗ trợ việc xây dựng mô hình quản lý tổng hợp chất thải cho ngành thủy sản; hỗ trợ thiết lập các Cơ sở thu hồi vật liệu nhằm cải thiện chuỗi giá trị vật liệu tại địa phương; hỗ trợ công tác nhân rộng, mở rộng, đảm bảo tính bền vững của các mô hình quản lý chất thải đã xây dựng; hỗ trợ xây dựng những chiến lược, công cụ và chiến dịch truyền thông nâng cao nhận thức và phổ biến thông tin và chia sẻ những thực hành tốt nhất trong việc huy động sự tham gia của khối phi chính thức và lập kế hoạch phân loại chất thải,...

Trung tâm hỏa táng Bình Định An Viên; cơ sở đã thực hiện các biện pháp về bảo vệ môi trường theo quy định.

#### ***7.6. Việc thực hiện tiêu chí về môi trường trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh***

Kể từ khi Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực thi hành, UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới, hướng dẫn mô hình nhà tiêu hợp vệ sinh, mô hình quản lý chất thải nhựa trong sản xuất nông nghiệp cho các địa phương; tổ chức hội nghị tập huấn Luật Bảo vệ môi trường 2020, trong đó có lồng ghép nội dung tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm trong Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao áp dụng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 – 2025 và tiêu chí số 7 về môi trường trong Bộ tiêu chí về huyện nông thôn mới áp dụng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 – 2025 cho các cán bộ địa chính cấp huyện, cấp xã; Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tập huấn công tác bảo vệ môi trường, hướng dẫn phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

#### ***7.7. Việc tổ chức quản lý, bảo tồn và phát triển Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cao nguyên Kon Hà Nừng***

Sau khi được UNESCO thế giới công nhận Khu dự trữ sinh quyển thế giới (Khu DTSQTG) Cao nguyên Kon Hà Nừng; UBND tỉnh ban hành Quyết định số 311/QĐ-UBND ngày 26/4/2022 về việc thành lập Ban quản lý Khu DTSQTG Cao nguyên Kon Hà Nừng; Quyết định số 566/QĐ-UBND ngày 13/9/2022 của UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý Khu DTSQTG Cao nguyên Kon Hà Nừng; Kế hoạch số 464/KH-UBND ngày 14/3/2022 về việc tổ chức tuyên truyền về Khu DTSQTG Cao nguyên Kon Hà Nừng, qua đó đã đạt được một số kết quả như sau:

- Các Sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị thành viên BQL thường xuyên đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền nhằm nâng cao kiến thức của mọi tầng lớp nhân dân về tầm quan trọng, những lợi ích của tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học mà Khu DTSQ mang lại, từ đó thu hút sự tham gia của người dân trong việc bảo tồn và phát triển Khu DTSQ; góp phần quảng bá hình ảnh đất nước, con người và văn hóa của Việt Nam nói chung và của tỉnh Gia Lai nói riêng đối với bạn bè thế giới; đồng thời kêu gọi sự hỗ trợ, hợp tác của các cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp trong và ngoài nước tham gia tạo nguồn lực cho các hoạt động của Khu DTSQ (cụ thể: Năm 2022: các sở ban ngành, địa phương, đơn vị có liên quan đã tổ chức tổ chức được 124 đợt tuyên truyền và 4.030 lượt người tham gia; Năm 2023: Tổ chức 228 đợt tuyên truyền và 7.460 lượt người tham gia lồng ghép khoảng 90 tin, bài, phóng sự trên Báo Gia Lai và 75 tin, bài từ Đài Phát thanh-Truyền hình Gia Lai, xây dựng Trang thông tin điện tử: <https://konhanung.gialai.gov.vn>; cấp phát 7200 tờ tranh tuyên truyền về Khu DTSQTG Cao nguyên Kon Hà Nừng; lắp đặt 02 bảng Pano tuyên truyền về Khu DTSQTG Cao nguyên Kon Hà Nừng; Năm 2024: Tổ chức 194 đợt tuyên truyền, với tổng số người tham dự 9.847 người và lồng ghép khoảng 230 tin, bài, phóng sự trên Báo Gia Lai, Đài Phát thanh – Truyền hình Gia Lai).

+ Trong thời gian qua: Công tác bảo tồn, hợp tác nghiên cứu khoa học tại



Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh và Khu BTTN Kon Chư Răng thuộc vùng lõi của Khu DTSQTG Cao nguyên Kon Hà Nừng luôn được quan tâm, đã và đang triển khai một số đề tài khoa học và công nghệ về nguồn gen các loài động, thực vật như: đề tài “Xây dựng cơ sở dữ liệu các nguồn gen động vật và thực vật rừng quý hiếm ở Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh và đề xuất các biện pháp bảo tồn”; đề tài “Nghiên cứu bảo tồn và phát triển bền vững nguồn gen loài Thiên môn chùm (*Asparagus racemosus* Willd.)”; đề tài “Điều tra, thống kê, bảo tồn nguồn gen cây dược liệu tại Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh, tỉnh Gia Lai”; đề tài “Điều tra, sưu tập lan rừng và đề xuất biện pháp bảo tồn, phát triển một số loài lan đặc hữu, quý hiếm và các loài bị đe dọa ở Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh”; ... Kết quả: Tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng đã cập nhập thêm 43 loài chim từ Trung tâm nhiệt đới Việt - Nga và 02 loài ếch, 4 loài rắn cho danh mục đa dạng sinh học của Khu Bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng; Tại Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh các nhà khoa học thực vật thế giới đã thăm tra và công nhận loài thực vật mới cho Khu Dự trữ sinh quyển Kon Hà Nừng.

Ngoài ra, ngày 17/10/2024, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 612/QĐ-UBND về việc thành lập các Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh năm 2025 để thực hiện một số nhiệm vụ được xét chọn liên quan đến Khu DTSQTG Cao nguyên Kon Hà Nừng.

## **II. Tồn tại, hạn chế trong triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về BVMT:**

### **1. Tồn tại, hạn chế**

#### ***1.1. Về bố trí và sử dụng nguồn lực cho BVMT***

Lĩnh vực môi trường khá rộng, liên quan đến hầu hết các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội; công tác BVMT cần nguồn lực lớn về con người và tài chính. Tuy nhiên, ngân sách tỉnh còn hạn chế nên chưa đủ để đáp ứng yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ về môi trường, nhất là đầu tư hạ tầng về xử lý nước thải, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp. Việc huy động nguồn lực trong xã hội, xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường chưa đạt kết quả như mong muốn.

Hiện nay, thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, công tác quản lý môi trường thuộc UBND cấp huyện trước đây được chuyển cho cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và cấp xã, càng làm tăng khối lượng công việc cho cơ quan hai cấp này, dẫn đến rất khó khăn trong thực hiện công tác quản lý môi trường.

#### ***1.2. Về triển khai các chính sách, pháp luật về phòng ngừa ô nhiễm môi trường***

Trong quá trình triển khai xây dựng các kế hoạch ứng phó các sự cố môi trường, chất thải có thể xảy ra trên địa bàn tỉnh; qua rà soát các quy định liên quan, có sự trùng lặp giữa Kế hoạch ứng phó sự cố chất thải thực hiện theo mẫu của Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường thực hiện theo mẫu của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 01/10/2022 của Chính phủ. Do đó, nếu xây dựng và ban hành 02 kế hoạch sẽ dẫn đến trùng lặp, tốn kém thời gian, kinh phí. Đối với vấn đề này, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản xin ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường; tuy nhiên, chưa có hướng văn bản dẫn cụ thể.

### ***1.3. Về triển khai các chính sách, pháp luật về kiểm soát ô nhiễm***

Về công tác bảo vệ môi trường đối với CCN, thời gian qua UBND tỉnh tập trung chỉ đạo và ban hành nhiều văn bản đơn đốc, hướng dẫn và giao chỉ tiêu hàng năm đối với từng CCN, trong đó có một số chỉ tiêu về bảo vệ môi trường; đồng thời, đã ban hành Quyết định số 1114/QĐ-UBND ngày 10/4/2023 về Phương án xử lý nước thải các cụm công nghiệp và làng nghề trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030; trong đó xác định cụ thể lộ trình đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải của các CCN. Tuy nhiên, trên thực tế, các CCN chưa thực hiện đảm bảo các yêu cầu về BVMT, xử lý nước thải theo đúng tiến độ đề ra.

Nguyên nhân cơ bản của tình trạng nêu trên là do đối với phần lớn các CCN do Nhà nước làm chủ đầu tư gặp nhiều khó khăn trong bố trí ngân sách để lập và triển khai dự án đầu tư hạ tầng CCN, trong đó có hạ tầng về BVMT và xử lý nước thải. Ngoài ra, tại nhiều CCN tiến độ lắp đầy các doanh nghiệp thứ cấp khá chậm nên việc đầu tư đồng bộ hệ thống thu gom và xử lý nước thải ngay từ giai đoạn ban đầu sẽ phát sinh tình trạng lãng phí vì không thu gom được nước thải để xử lý và hệ thống xử lý nước thải mau xuống cấp, hư hỏng.

Sản xuất nông nghiệp còn manh mún, nhỏ lẻ; kỹ thuật canh tác của nông dân chưa cao, còn phụ thuộc nhiều thời tiết, chưa ứng dụng nhiều các biện pháp kỹ thuật thâm canh bền vững trong bối cảnh ứng phó BĐKH. Đặc thù tại khu vực nông thôn hoạt động chăn nuôi nông hộ vẫn còn nhiều, xen lẫn trong khu dân cư, các làng nghề đã hình thành lâu đời, hạ tầng bảo vệ môi trường còn hạn chế nên tình trạng ô nhiễm môi trường từ hoạt động chăn nuôi và sản xuất tại các làng nghề chưa được giải quyết triệt để.

### ***1.4. Về thực hiện các nội dung về quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường***

Hiện nay vẫn còn một số quy định, chính sách về bảo vệ môi trường chưa được xây dựng và ban hành kịp thời trên một số lĩnh vực như đã phân tích ở các phần trên. Công tác truyền thông về môi trường được các cấp, các ngành của tỉnh quan tâm thực hiện; tuy nhiên, hình thức và nội dung tuyên truyền chưa đa dạng và có chiều sâu nên chưa thu hút và tạo sự quan tâm của người dân tham gia trong công tác bảo vệ môi trường.

Một số địa phương chưa triển khai đồng bộ các nội dung trong công tác quản lý Nhà nước về BVMT, cụ thể như một số địa phương cấp huyện (cũ) chưa thực hiện công tác cấp giấy phép môi trường, xây dựng và thực hiện kế hoạch kiểm tra định kỳ về BVMT; nhiều xã, phường, thị trấn chưa thực hiện tiếp nhận đăng ký môi trường,... Nguyên nhân cơ bản của tình trạng nêu trên là do các địa phương, đơn vị chưa tổ chức nghiên cứu, quán triệt các quy định của Luật BVMT 2020 để làm cơ sở thực hiện. Ngoài ra, đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý môi trường các cấp, nhất là cấp xã còn hạn chế về năng lực và phải kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ chuyên môn nên khó khăn trong việc triển khai các quy định về BVMT.

### ***1.5. Về công tác quản lý chất thải***

Việc triển khai Luật giá, trong đó có giá dịch vụ thu gom, vận chuyển xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh đã giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu, hướng dẫn các quy định có liên quan để các địa phương triển khai

thực hiện trong năm 2024. Tuy nhiên, đến tháng 02/2025, Bộ Tài nguyên và Môi trường mới ban hành các hướng dẫn về quy trình và định mức<sup>11</sup> nên địa phương cần có thời gian để nghiên cứu, áp dụng trong quá trình xây dựng phương án giá.

Ngoài ra, công tác định giá tối đa và xác định giá cụ thể thu gom chất thải rắn sinh hoạt còn gặp nhiều khó khăn:

- Theo quy định Thông tư số 35/2024/TT-BTNMT và Thông tư số 36/2024/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ quy định về thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh hộ gia đình, cá nhân, đối với công tác vệ sinh môi trường đô thị; chưa quy định về quy trình và định mức kinh tế - kỹ thuật đối với các hoạt động vệ sinh môi trường đô thị; do đó địa phương gặp khó khăn trong công tác thẩm định phương án giá thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt của thành phố Pleiku và các huyện, thị xã trên địa bàn tỉnh.

- Hiện nay trên địa bàn tỉnh hạ tầng phương tiện thu gom rác của một số huyện chưa đảm bảo, các bãi rác không có trạm cân để xác định khối lượng chất thải rắn sinh hoạt. Do đó, việc xác định giá dịch vụ thu gom thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt từ hộ gia đình, cá nhân tính toán dựa trên khối lượng hoặc thể tích theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 79 của Luật Bảo vệ môi trường rất khó để thực hiện.

Năng lực của nhà đầu tư trong hoạt động xử lý CTRSH còn hạn chế; việc lựa chọn công nghệ xử lý và nhà đầu tư có năng lực, tâm huyết để thực hiện còn gặp nhiều khó khăn. Một số xã địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa giao thông khó khăn, chưa được bao phủ dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải, nên tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường tại một số huyện còn thấp. Việc triển khai thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn còn khó khăn, hạ tầng xử lý rác sau phân loại chưa đảm bảo; các chương trình phân loại chất thải còn mang tính tuyên truyền, chưa nêu rõ cách thức xử lý chất thải sau phân loại. Thiết bị chuyên dụng cho việc thu gom, vận chuyển CTRSH tại một số địa phương còn hạn chế; nhất là khu vực nông thôn hiện nay vẫn còn sử dụng các phương tiện xe thủ công để vận chuyển chất thải đến điểm tập kết.

Nguồn lực đầu tư chi cho sự nghiệp BVMT còn hạn chế, nguồn ngân sách nhà nước đầu tư cho quản lý chất thải rắn chưa đáp ứng yêu cầu BVMT nói chung và thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn nói riêng của địa phương.

### ***1.6. Về công tác kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về BVMT và đấu tranh phòng, chống tội phạm về môi trường***

Công tác thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc quản lý môi trường cấp tỉnh được thực hiện nghiêm túc theo quy định. Tuy nhiên, đối với cấp huyện, xã việc tổ chức triển khai thực hiện vẫn còn lúng túng, một số địa phương không thực hiện kế hoạch kiểm tra định kỳ và đột xuất

---

<sup>11</sup> Thông tư số 35/2024/TT-BTNMT ngày 19/12/2024 về quy trình kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt (có hiệu lực thi hành ngày 05/02/2025) và Thông tư số 36/2024/TT-BTNMT ngày 20/12/2024 về định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt (có hiệu lực thi hành ngày 06/02/2025).

hoặc thực hiện nhưng không đầy đủ các quy trình theo quy định nên hiệu quả chưa cao.

### ***1.7. Về tổ chức phát triển thị trường các-bon, trong đó có nội dung trao đổi tín chỉ các-bon rừng; việc thực hiện cam kết quốc tế về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính***

Tín chỉ các-bon là vấn đề mới, mang tính chất cam kết giao dịch quốc tế, chưa có các quy định cụ thể của pháp luật Việt Nam. Quá trình triển khai thí điểm vướng các vấn đề quy định của pháp luật (Luật Ngân sách chưa quy định trong mục lục ngân sách; Luật Quản lý và sử dụng tài sản công thì tín chỉ các-bon là một dạng tài sản công, trong khi Luật Lâm nghiệp năm 2017 và Nghị định 156/2018/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Lâm nghiệp chưa quy định rõ quyền tín chỉ các-bon thuộc sở hữu địa phương.

Khung pháp lý để vận hành thị trường các-bon còn chưa hoàn thiện, các cơ chế, chính sách để quản lý tín chỉ các-bon chưa đồng bộ nên khi triển khai thực hiện còn gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, việc nghiên cứu, triển khai các nội dung liên quan giảm nhẹ phát thải khí nhà kính vẫn còn hạn chế do thiếu những quy định, hướng dẫn của trung ương; nguồn lực về tài chính để thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án, dự án liên quan đến thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính còn hạn chế.

### ***1.8. Việc thực hiện tiêu chí về môi trường trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh***

Còn một số chỉ tiêu trong tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới đang phấn đấu để đạt chuẩn theo quy định.

### ***1.9. Việc tổ chức quản lý, bảo tồn và phát triển Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cao nguyên Kon Hà Nừng***

- Các thành viên của BQL đa số hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm nên việc bố trí, sắp xếp thời gian dành cho nghiên cứu chuyên sâu về công tác sinh quyển còn nhiều khó khăn.

- Công chức, viên chức phụ trách đầu mối hoạt động của Khu DTSQ chưa được tập huấn về quản lý, xây dựng kế hoạch, đề xuất dự án,... do đây là lĩnh vực quản lý mới, rất cần hướng dẫn nghiệp vụ, chuyên môn của cơ quan quản lý nhà nước cấp trên.

## **2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế**

### ***2.1. Nguyên nhân khách quan***

- Luật BVMT năm 2020 có nhiều điểm mới, trong đó có nhiều quy định chưa được hướng dẫn, hoặc đã có văn bản hướng dẫn nhưng chưa cụ thể (định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, xử lý rác thải vừa mới được ban hành, chưa ban hành hướng dẫn quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; chưa ban hành các định mức kinh tế kỹ thuật trong lập kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí, chất lượng môi trường nước mặt, trong điều tra đa dạng sinh học, quy định về cơ sở dữ liệu về môi trường, điều tra

khu vực ô nhiễm đất khó thực hiện,...) dẫn đến khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện tại địa phương.

- Biến đổi khí hậu, đặc biệt là hiện tượng mưa lớn, lũ lụt, làm tăng nguy cơ ngập lụt cơ sở, gây hư hỏng cơ sở hạ tầng trong quá trình xử lý nước thải. Hệ thống thoát nước thải bị quá tải trong mùa mưa, dẫn đến trạng thái nước thải chưa được xử lý xả vào môi trường.

- Thời gian qua, tốc độ tăng trưởng kinh tế - xã hội của tỉnh ổn định, thu hút nhiều dự án đầu tư trên nhiều lĩnh vực mới, đa dạng. Đây là điểm tích cực nhưng cũng gây áp lực không nhỏ đối với các cơ quan quản lý môi trường các cấp để vừa đảm bảo mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, vừa đảm bảo các yêu cầu về BVMT và phát triển bền vững.

- Chi phí đầu tư cho công tác BVMT cao, là rào cản lớn đối với các doanh nghiệp và người dân trong quá trình phát triển sản xuất kinh doanh; điều này đã dẫn đến một số cá nhân, doanh nghiệp cố tình không thực hiện hoặc thực hiện đối phó đối với công tác BVMT, gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường và khó khăn cho các cơ quan quản lý trong quá trình kiểm tra giám sát.

## **2.2. Nguyên nhân chủ quan**

- Vẫn còn một số chính quyền địa phương, đơn vị chưa thật sự chú trọng công tác bảo vệ môi trường, chủ yếu tập trung thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu phát triển kinh tế.

- UBND cấp huyện (cũ) và cấp xã chưa thực sự chủ động trong xây dựng kế hoạch thực hiện công tác bảo vệ môi trường, lập dự toán kinh phí sự nghiệp môi trường hàng năm, xây dựng và triển khai kế hoạch kiểm tra việc thực hiện công tác BVMT định kỳ hàng năm tại địa phương.

- Đối với các CCN do Nhà nước đầu tư, ngân sách bố trí chủ yếu tập trung vào san lấp mặt bằng, hạ tầng giao thông, cấp điện,... chưa phân bổ kinh phí để hoàn thiện hồ sơ pháp lý về môi trường và xây dựng các công trình bảo vệ môi trường, trồng cây xanh.

- Một bộ phận người dân chưa thật sự có ý thức đầy đủ với công tác BVMT nên vẫn còn có tình trạng xả rác thải, nước thải bừa bãi nơi cộng cộng, săn bắt, khai thác trái phép nguồn lợi động thực vật,... gây mất mỹ quan, ô nhiễm môi trường và suy giảm tính đa dạng sinh học.

- Việc phân bổ kinh phí sự nghiệp môi trường ở các cấp chưa đảm bảo, còn dàn trải, thiếu chi tiết, hiệu quả sử dụng chưa cao. Nguồn kinh phí bố trí hàng năm còn thấp, chưa đủ để đáp ứng xử lý các điểm nóng ô nhiễm môi trường. Việc đầu tư hạ tầng BVMT cho các cụm công nghiệp, đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung..., bảo tồn hệ sinh thái và đa dạng sinh học, ứng phó với biến đổi khí hậu còn hạn chế.

## **3. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan**

- Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) là cơ quan chuyên môn, giúp việc cho UBND tỉnh trong việc thực hiện công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Sau khi Luật Bảo vệ môi trường có hiệu lực, Sở đã tham mưu Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh triển khai công tác bảo vệ môi trường

theo quy định mới. Tuy nhiên, Luật Bảo vệ môi trường ban hành nhiều quy định mới liên quan rất nhiều ngành, lĩnh vực và giao cho địa phương ban hành khá nhiều quy định thuộc thẩm quyền. Ngoài ra, một số lĩnh vực trước đây thuộc các ngành khác (quản lý chất thải rắn) được chuyển giao cho ngành Nông nghiệp và Môi trường nên việc nghiên cứu tham mưu cho UBND tỉnh đôi lúc chưa kịp thời và đồng bộ. Một số Sở, ban, ngành chưa dành sự quan tâm đầy đủ trong việc triển khai các nội dung, nhiệm vụ được giao nhằm triển khai Luật Bảo vệ môi trường.

- Chính quyền địa phương tại một số huyện và xã chưa triển khai đồng bộ, đầy đủ các quy định của Luật Bảo vệ môi trường; trong đó phổ biến nhất là các quy định về cấp giấy phép môi trường, tiếp nhận đăng ký môi trường, tham vấn cộng đồng trong lập báo cáo đánh giá tác động môi trường; chưa chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch kiểm tra công tác bảo vệ môi trường hàng năm.

- Các hội đoàn thể đã tham gia tích cực trong công tác BVMT, nhất là tổ chức các hoạt động truyền thông môi trường, các mô hình BVMT và xử lý chất thải,... tuy nhiên, nội dung và hình thức truyền thông môi trường còn thiếu đa dạng và cần phải có sự thay đổi trong thời gian tới.

### **III. Đánh giá chung về tình hình thực hiện Luật BVMT năm 2020**

Qua 03 năm thực hiện Luật Bảo vệ môi trường, tỉnh đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách, quy định, chương trình, kế hoạch nhằm cụ thể hóa việc triển khai Luật Bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh và bước đầu thực hiện đem lại những kết quả tích cực. Công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định về bảo vệ môi trường được chú trọng thực hiện thường xuyên, liên tục với sự đa dạng về nội dung, hình thức, góp phần nâng cao nhận thức của cộng đồng đối với công tác bảo vệ môi trường. Cơ sở hạ tầng về bảo vệ môi trường bắt đầu được quan tâm đầu tư. Công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường từng bước đi vào nề nếp, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý môi trường các cấp và các ban, ngành, hội đoàn thể. Công tác cải cách hành chính mà trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính trên lĩnh vực bảo vệ môi trường được quan tâm thực hiện, đã góp phần hỗ trợ tối đa cho các tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện các thủ tục môi trường. Công tác quản lý chất thải mà nhất là chất thải rắn sinh hoạt được chú trọng triển khai, đã cải thiện đáng kể tỷ lệ thu gom và xử lý trên toàn địa bàn. Công tác thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường dần đi vào nề nếp.

Thông qua việc triển khai các quy định của Luật Bảo vệ môi trường trên địa bàn, chất lượng các thành phần môi trường của tỉnh được kiểm soát và ở mức tốt; tất cả các khu công nghiệp đang hoạt động đều có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường; tỷ lệ rác thải sinh hoạt đô thị được thu gom và xử lý, tỷ lệ chất thải nguy hại công nghiệp, nông nghiệp được thu gom, xử lý, tỷ lệ chất thải nguy hại y tế được thu gom, xử lý đạt tỷ lệ cao; đã hoàn thành việc nâng công suất nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn từ 14.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm lên 28.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm,... Những kết quả nêu trên đã góp phần cải thiện đáng kể chất lượng môi trường sống trên địa bàn tỉnh, hỗ trợ công tác thu hút đầu tư và xây dựng tỉnh phát triển theo định hướng xanh - sạch - đẹp.

Tuy nhiên, bên cạnh đó, quá trình triển khai Luật Bảo vệ môi trường 2020 cũng gặp một số khó khăn, vướng mắc; một số nội dung chưa được các cơ quan

Trung ương hướng dẫn đầy đủ, cụ thể triển khai nên địa phương gặp nhiều lúng túng. Công tác thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt ở một số địa bàn còn hạn chế; hạ tầng BVMT chưa đáp ứng được yêu cầu.

### **PHẦN III**

## **KIẾN NGHỊ, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN VÀ THỰC HIỆN HIỆU QUẢ CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

### **1. Giải pháp**

#### ***1.1. Về xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật về BVMT***

- Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng và ban hành các chính sách, chương trình, kế hoạch và các quy định, hướng dẫn nhằm cụ thể hóa việc triển khai Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Chiến lược Quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2030 và định hướng đến năm 2050 phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh; trong đó, chú trọng ban hành các chính sách hỗ trợ xử lý chất thải, xây dựng hạ tầng bảo vệ môi trường, khuyến khích áp dụng các công vụ trái phiếu xanh tín dụng xanh,...

- Chính quyền và các đoàn thể tiếp tục tổ chức quán triệt sâu rộng đến cán bộ, nhân dân trong tỉnh các quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các chương trình, kế hoạch bảo vệ môi trường của tỉnh để tạo sự thống nhất và đồng thuận cao trong tổ chức thực hiện.

- Đối với hoạt động thanh tra, kiểm tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường cần triển khai đồng bộ ở các cấp; theo đó, hàng năm xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra định kỳ. Ngoài ra, đối với các vụ việc đột xuất phát sinh theo khiếu nại, phản ánh của người dân, cơ quan báo chí,... cần thành lập đoàn kiểm tra theo quy định để có đủ cơ sở kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm.

- Để thực hiện đảm bảo công tác xây dựng và tổ chức triển khai các chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường, kính đề nghị Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các bộ, ngành liên quan sớm ban hành các văn bản quy định nhằm đồng bộ hóa hệ thống các quy định trong lĩnh vực môi trường, nhất là các quy định về quản lý chất thải, các quy định liên quan đến chính sách hỗ trợ cho đầu tư bảo vệ môi trường, hỗ trợ quản lý, xử lý chất thải,...

#### ***1.2. Về tổ chức thực hiện***

##### ***a) Tăng cường nguồn lực cho BVMT***

- Trong thời gian tới, tỉnh sẽ tăng cường phân bổ kinh phí sự nghiệp về BVMT, phân đầu tăng dần theo từng năm và đạt tối thiểu 1% tổng chi Ngân sách của tỉnh đến năm 2030.

- Tăng cường công tác xã hội hóa, huy động các nguồn lực quốc tế cho công tác bảo vệ môi trường. Trước mắt, kêu gọi nhà đầu tư thực hiện 03 dự án xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại khu vực phía Nam tỉnh (tại xã Quy Nhơn, Tây, công nghệ đốt rác phát điện), phía Bắc tỉnh (tại xã Bồng Sơn), phía Tây tỉnh (tại xã Gào). Đồng thời, vận động nguồn vốn ODA để thực hiện dự án xây dựng

thống thoát nước và xử lý nước thải cho các đô thị thuộc thị xã An Nhơn, Hoài Nhơn và huyện Tây Sơn cũ.

- Tăng cường công tác tập huấn, bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ thực hiện công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Định kỳ hàng năm, trong chương trình bồi dưỡng cán bộ cấp xã do UBND tỉnh tổ chức sẽ lồng ghép các chuyên đề về bảo vệ môi trường.

*b) Triển khai có hiệu quả các chính sách, pháp luật về phòng ngừa ô nhiễm, kiểm soát ô nhiễm*

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục về môi trường trong toàn xã hội nhằm nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật BVMT, trách nhiệm xã hội của người dân, doanh nghiệp trong việc gìn giữ và bảo vệ môi trường, trong đó có nội dung về quản lý rác thải. Lồng ghép nội dung bảo vệ môi trường vào chương trình giảng dạy tại các cấp học, nâng cao ý thức trách nhiệm của thế hệ trẻ. Phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể như Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Nông dân trong vận động người dân thực hiện các mô hình bảo vệ môi trường; xây dựng kế hoạch truyền thông môi trường cho giai đoạn 2026-2030.

- Chú trọng giám sát công tác vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung đối với các Khu công nghiệp; rút ngắn tiến độ hoàn thiện hồ sơ pháp lý và hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với các CCN đã đi vào hoạt động, đặc biệt các CCN do tư nhân làm chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng; sớm ban hành chính sách hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật CCN trên địa bàn tỉnh, trong đó có hạ tầng về bảo vệ môi trường, xử lý nước thải tập trung

- Bố trí nguồn vốn ngân sách để thực hiện đầu tư hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường các CCN do Nhà nước đầu tư; tăng cường thu hút nhà đầu tư tư nhân tham gia làm chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng CCN để giảm áp lực về ngân sách cho địa phương; tăng cường sự phối hợp và làm rõ trách nhiệm của UBND cấp xã trong công tác quản lý về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở hoạt động sản xuất trong CCN.

- Triển khai đồng bộ quy định về lắp đặt hệ thống tự động liên tục nguồn thải của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và truyền số liệu trực tiếp về hệ thống quản lý dữ liệu quan trắc tự động của Sở Nông nghiệp và Môi trường để theo dõi, quản lý. Vận hành đồng bộ các trạm quan trắc chất lượng môi trường tự động liên tục trên địa bàn tỉnh, thông tin kết quả quan trắc trên các phương tiện thông tin đại chúng để người dân được biết.

- Khuyến khích doanh nghiệp áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn, sử dụng nguyên liệu tái chế, giảm thiểu chất thải và khí thải trong sản xuất.

- Phát triển các khu công nghiệp sinh thái, áp dụng công nghệ sản xuất sạch hơn, thân thiện với môi trường.

*c) Tăng cường quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường*

- Nâng cao chất lượng công tác thẩm định; rà soát, yêu cầu các cơ sở sản xuất, kinh doanh lập hồ sơ môi trường và thực hiện đảm bảo các giải pháp bảo vệ môi trường theo hồ sơ môi trường được phê duyệt.



- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, đấu tranh phòng chống tội phạm về môi trường. UBND cấp xã chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch kiểm tra định kỳ về bảo vệ môi trường, xử lý nghiêm khi phát hiện các hành vi vi phạm; tăng cường phối hợp giữa các ngành, địa phương trong giải quyết các phản ánh qua đường dây nóng về môi trường.

- Chú trọng công tác bảo tồn đa dạng sinh học; đẩy nhanh tiến độ thành lập các khu bảo tồn đa dạng sinh học đã đề ra trong quy hoạch; nâng cao chất lượng công tác đào tạo, tập huấn cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý môi trường các cấp, nhất là cán bộ cấp xã.

*d) Tăng cường quản lý chất thải*

- Xây dựng Kế hoạch quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2025 – 2030.

- Xây dựng phần mềm quản lý và hệ thống cơ sở dữ liệu về quản lý chất thải. Định kỳ hằng năm, điều tra, thống kê, cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu về chất thải rắn trên địa bàn để theo dõi, quản lý.

- Thực hiện phân loại rác tại nguồn, tái chế và tái sử dụng chất thải, hạn chế sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần.

- Tăng cường giám sát việc thải bỏ CTR không đúng quy định tại một số khu vực công cộng, khu dân cư,... bằng nhiều hình thức; bước đầu thực hiện thông qua hệ thống camera, kết nối trực tuyến về Trung tâm Điều hành đô thị thông minh của tỉnh và các địa phương để kiểm tra, chấn chỉnh và xử lý hành vi vi phạm theo quy định.

- Chú trọng tiêu chí về quản lý rác thải trong việc thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về nông thôn mới; các xã phải đạt tiêu chí về quản lý rác thải (tỷ lệ phân loại, thu gom, xử lý,...) và tiếp tục duy trì sau khi đã được công nhận đạt chuẩn. Đối với các xã đã đạt nông thôn mới trước đây, phải rà soát, có kế hoạch hoàn thiện, phấn đấu theo tiêu chí môi trường giai đoạn 2022 - 2025.

- Khuyến khích, hỗ trợ các cơ sở tái chế nhựa đầu tư cải tiến công nghệ theo hướng hiện đại, áp dụng sản xuất sạch; đẩy mạnh triển khai phân loại, tái sử dụng, tái chế chất thải rắn sinh hoạt. Trang bị hạ tầng thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH đáp ứng yêu cầu sau phân loại.

- Đối với quản lý nước thải đô thị, vận hành đồng bộ 02 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tại thành phố Quy Nhơn; đẩy nhanh tiến độ phê duyệt và triển khai dự án đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt các đô thị Hoài Nhơn, An Nhơn và Tây Sơn; đồng thời, triển khai dự án xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải cho các đô thị loại V trên địa bàn tỉnh.

- Về nguồn vốn đầu tư: ngoài nguồn vốn đầu tư từ ngân sách, huy động các nguồn vốn khác như tư nhân, nguồn đầu tư nước ngoài ODA, FDI cho hoạt động BVMT. Trong đó, ngân sách nhà nước tập trung đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật cơ bản (giao thông, cây xanh, hạ tầng ngầm, công trình công cộng); các nguồn vốn xã hội hóa và đầu tư tư nhân, hợp tác công tư (PPP) tập trung cho các lĩnh vực như hạ tầng kỹ thuật (khu công nghiệp, CCN, khu đô thị mới), cấp nước, nghĩa trang,

cơ sở hỏa táng, xử lý rác thải. Vốn đầu tư nước ngoài (ODA, FDI): đầu tư các dự án đòi hỏi nguồn vốn đầu tư lớn (thoát nước, xử lý nước thải,...).

*e) Về tổ chức phát triển thị trường các-bon, trong đó có nội dung trao đổi tín chỉ các-bon rừng; việc thực hiện cam kết quốc tế về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính:*

Tiếp tục nghiên cứu, thực hiện các quy định liên quan thị trường các-bon, trong đó có nội dung trao đổi tín chỉ các-bon rừng và thực hiện các cam kết quốc tế về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

*g) Ứng dụng khoa học, công nghệ vào quản lý và bảo vệ môi trường*

- Khuyến khích nghiên cứu, ứng dụng công nghệ xử lý rác thải tiên tiến, phát triển năng lượng tái tạo, sử dụng vật liệu thân thiện môi trường.

- Ứng dụng công nghệ số trong giám sát, đánh giá tác động môi trường, hỗ trợ ra quyết định trong quản lý môi trường.

**2. Kiến nghị xử lý trách nhiệm đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thực hiện chính sách, pháp luật về BVMT (nếu có):** Không.

**3. Kiến nghị (trước mắt và lâu dài) đối với các cơ quan có thẩm quyền**

**3.1. Đối với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ**

Đề nghị xem xét, sửa đổi Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Kế hoạch quốc gia ứng phó sự cố chất thải giai đoạn 2023-2030 phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Theo đó, đề xuất các chủ dự án đầu tư chỉ thực hiện 01 Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường (bao gồm ứng phó sự cố do chất thải); đồng thời, chỉ có các cơ sở thuộc đối tượng lập Báo cáo đề xuất cấp GPMT (có các công trình xử lý chất thải) thì mới phải lập Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường do chất thải.

- Hỗ trợ kinh phí từ ngân sách trung ương cho các địa phương khó khăn để triển khai thực hiện các nhiệm vụ, dự án ưu tiên về ứng phó với biến đổi khí hậu.

**3.2. Đối với các Bộ, ngành Trung ương**

- Ban hành hướng dẫn công nghệ xử lý nước thải tại chỗ; hướng dẫn một số nội dung trong hoạt động đầu tư theo phương thức đối tác công tư lĩnh vực xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

- Hướng dẫn cụ thể nội dung thẩm định công nghệ sản xuất và xử lý chất thải đối với một số ngành nghề đặc trưng có khả năng gây ô nhiễm cao và đánh giá tác động về nguy cơ ô nhiễm môi trường không khí đến bệnh tật, sức khỏe cộng đồng; đồng thời, thường xuyên phổ biến, hướng dẫn địa phương trong việc lựa chọn các công nghệ sản xuất và công nghệ xử lý chất thải hiện đại, hiệu quả.

- Ban hành chính sách khuyến khích sử dụng sản phẩm thân thiện môi trường thay thế sản phẩm nhựa dùng một lần và bao bì ni lông; chính sách hỗ trợ người thu gom, cơ sở tái chế nhựa phế liệu; tăng thuế đối với sản phẩm nhựa dùng một lần; chính sách hỗ trợ các cơ sở xử lý chất thải hữu cơ; tiêu chuẩn, quy chuẩn đối với sản phẩm phân hữu cơ từ rác thải sinh hoạt; các định mức kinh tế kỹ thuật cho các nghiệp vụ quản lý môi trường như các định mức kinh tế kỹ thuật trong lập kế hoạch

quản lý chất lượng môi trường không khí, chất lượng môi trường nước mặt, trong điều tra đa dạng sinh học...

- Xem xét, ban hành các chính sách nhằm tăng cường và khuyến khích hơn nữa việc xã hội hóa, thu hút các nhà đầu tư tham gia các lĩnh vực bảo vệ môi trường liên quan đến công tác xử lý, tái chế chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại...

- Điều chỉnh quy định các cụm công nghiệp phải có lưu lượng nước thải từ 500 m<sup>3</sup>/ngày trở lên mới phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động nhằm tránh lãng phí của các cơ sở sản xuất, kinh doanh; bổ sung quy định về khoảng cách an toàn cho một số loại hình sản xuất khác có ảnh hưởng đến môi trường như chế biến lâm sản, tái chế phế liệu...

- Ban hành định mức sử dụng nước thải chăn nuôi để tưới cây cho một số loại cây trồng.

- Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật cho việc vệ sinh môi trường đô thị làm cơ sở thẩm định phương án giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; đồng thời, hoàn thiện hành lang pháp lý quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, cơ chế tín dụng của Quỹ Bảo vệ Môi trường địa phương.

Trên đây là kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh từ khi Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực; UBND tỉnh Gia Lai kính báo cáo Đoàn giám sát Quốc hội, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- TT HĐND tỉnh
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: NNMT, CT, TC;
- Ban QLKKT;
- CVP, PVP NN;
- Lưu: VT, N<sub>1</sub>, 4, 5, X<sub>1</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tuấn Thanh**